

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMİ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 14.../TB-HĐQT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Tên công ty: **Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMİ**

Mã chứng khoán: CLH

Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0208 3829154 Fax: 0208 3829056

Địa chỉ Website: ximanglahien.com.vn

Loại công bố thông tin: ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ Yêu cầu ☐ Khác

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Báo cáo thường niên năm 2021.

(Có báo cáo chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu HĐQT; VT.

Ngày 12 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIÁM ĐỐC



Trần Quang Khải

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Tel: 02083 829156; Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn)

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiền - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: Năm 2021

Lưu: Công ty CP xi măng La Hiền VVM

Thái Nguyên, tháng 3/2022

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
4. Định hướng phát triển	10
5. Các rủi ro:	15
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021	20
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
2. Tổ chức và nhân sự	23
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	26
4. Tình hình tài chính	27
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	29
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	30
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	36
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2. Tình hình tài chính	41
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	44
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	44
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	46
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của cty	46
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	48
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	48
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	49
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	49
V. Quản trị công ty	53
1. Hội đồng quản trị	53
1.2. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị:	53
1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:	53
2. Ban Kiểm soát	60
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	68
	68

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600422240
- Vốn điều lệ: **120.000.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.579.111.593
- Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083.829.156
- Số fax: 02083.829.056
- Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CLH
- Quá trình hình thành và phát triển:

** Việc thành lập:*

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LD ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên VVMI.

- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008.

- Ngày 16 tháng 06 năm 2010 ban giao dự án “Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên” đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư được quyết toán là: 626.755 triệu đồng.

- Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế

hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

*** Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMi chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Ngày 22 tháng 04 năm 2016 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 252/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CLH.

- Ngày 07/06/2016 mã chứng khoán CLH chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên sàn HNX.



*** Giới thiệu về công ty:**

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiền - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM**

Tên viết tắt: **LHC**

Tên tiếng Anh: **VVM LA HIỀN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**

Biểu tượng của công ty:



Trụ sở chính của công ty: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiền - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên.

*** Phương châm hoạt động:**

+ Luôn cam kết phân đấu, tìm hiểu kỹ khách hàng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của mình cung ứng ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

+ Thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên để mọi người cùng hiểu rằng:

“CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUYẾT ĐỊNH SỰ HÙNG THỊNH CỦA CÔNG TY”

+ Luôn tổ chức việc giáo dục và đào tạo cho mọi cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao trình độ, năng lực và chuyên môn nghiệp vụ của mình.

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2015 một cách có hiệu quả trên cơ sở tham gia của tất cả mọi người.

- Các sự kiện khác trong năm 2021.

+ Ngày 17/02/2021 Công ty tổ chức buổi lễ ra quân bán hàng đầu xuân trong không khí sôi nổi, khởi sắc cho hoạt động kinh doanh của năm tiếp theo:





+ Ngày 26/04/2021 Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

MẪU PHỤ LỤC SỐ 04 (BẢN HÀNH KÈM THÔNG TƯ SỐ 96/2020/TT-BTC NGÀY 16/11/2020 CỦA BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN)



+ Ngày 29/12/2021 Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021



+ Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, Công ty không tổ chức được các buổi gặp mặt, tri ân khách hàng.



+ Ngày 25 tháng 12 năm 2021 Công ty tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD, an toàn vệ sinh lao động năm 2021 và mở Hội nghị người lao động năm 2022. Tại Hội nghị này Công ty đã vinh dự nhận được sự chúc mừng của lãnh đạo Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP và các đơn vị trên địa bàn về việc hoàn thành kế hoạch SXKD:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, clinker;
- Khai thác đá vôi, đất sét;

2.2. Địa bàn kinh doanh:

- Trong năm Công ty bán hàng cho ~ 300 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh...vv và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

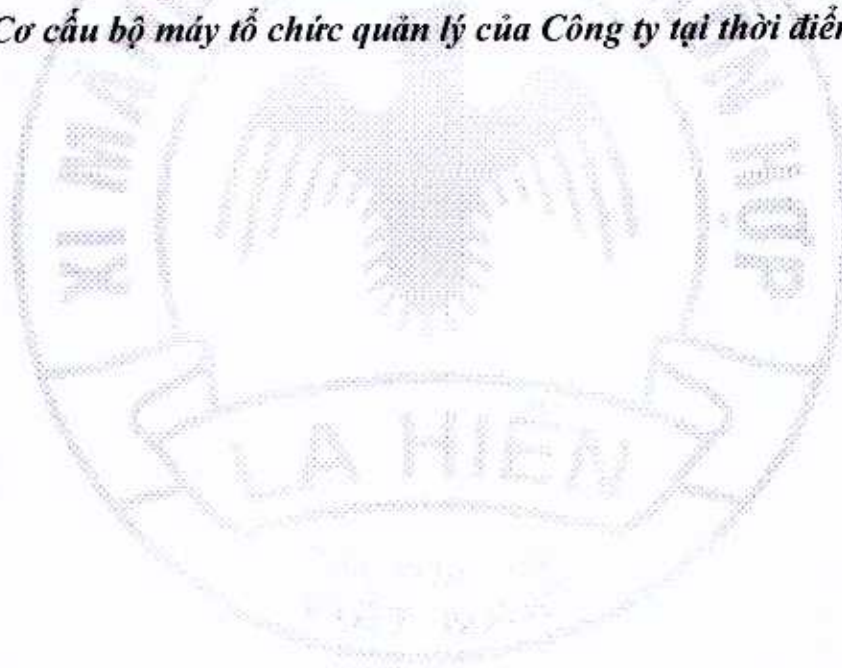
3.1. Mô hình quản trị

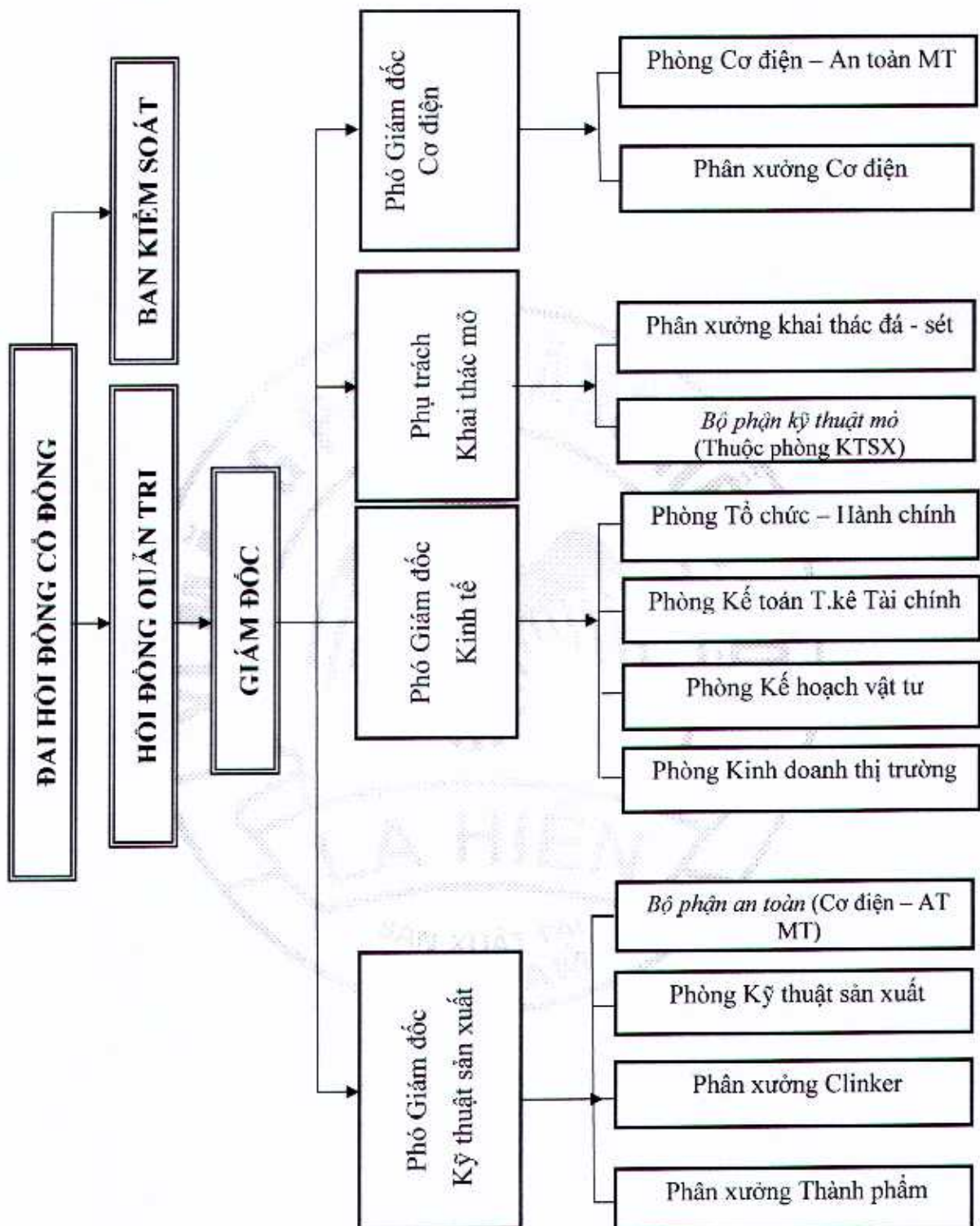
- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và 03 phó Giám đốc phụ trách các phân hành công việc.

- Công ty không có văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước.

- Công ty tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở; bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty trên nguyên tắc tập trung dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Giám đốc và các Phó giám đốc khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/21





*** Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần để thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) của Công ty.

*** Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

*** Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước các cổ đông, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

*** Bộ máy điều hành:**

Đứng đầu bộ máy điều hành là ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có các Phó giám đốc phụ trách từng lĩnh vực.

Hiện nay theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu sắp xếp thu gọn giảm các đầu mối quản lý, Công ty duy trì 06 phòng và 04 phân xưởng. Các phòng ban, phân xưởng đều có mối quan hệ gắn kết với nhau nhằm hỗ trợ trong việc thực hiện các công việc để hoạt động SXKD của Công ty luôn được thông suốt.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

Với mục tiêu tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty; xây dựng Công ty trở thành một tập thể

vững mạnh, có uy tín thương hiệu tại các vùng thị trường; tạo lập một văn hóa doanh nghiệp có bản sắc riêng; xây dựng một hình mẫu về phát triển theo chiều sâu trong đầu tư, sản xuất và thương mại, Công ty đã đề ra những mục tiêu, chiến lược nhằm giúp xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tiếp tục duy trì và phát huy các mục tiêu đã đề ra:

- Sản xuất kinh doanh theo tiêu chí: **An toàn – Năng suất – Chất lượng – Hiệu quả**

- Phát huy cao tinh thần **Kỷ luật – đồng tâm**
- Hải hòa lợi ích của các Cổ đông và Người lao động
- Khách hàng là số 1
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;
- Sản xuất xi măng thân thiện với môi trường, trách nhiệm trong cộng đồng xã hội;
- Tiếp tục đầu tư theo hướng mở rộng, cải tiến công nghệ, tăng năng suất;
- Ứng dụng cuộc cách mạng công nghệ 4.0 sâu rộng nhất;
- Sử dụng các loại chất thải làm nguồn nguyên liệu;
- Thực hiện tốt chế độ chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

*** Chiến lược về sản phẩm và thị trường:**

Sản phẩm và thị trường của Công ty đặc biệt quan trọng, nó quyết định sự tồn tại, phát triển của Công ty. Do đó việc nghiên cứu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng nhằm giữ vững củng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới là nhiệm vụ hàng đầu. Để hoạt động này đáp ứng được các yêu cầu Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định đa phát triển, giữ vững và xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu uy tín trên thị trường.

- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.

- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra các chính sách phù hợp.

*** Chiến lược đầu tư công nghệ:**

- Tiếp tục áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực.

- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới.

- Nghiên cứu phương án cải tạo, thay thế thiết bị trong dây chuyền để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đảm bảo đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

*** Chiến lược tài chính:**

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác khoán quản chi phí trong các công đoạn.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty.

- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

*** Chiến lược nhân sự:**

- Tiếp tục cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ bổ sung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính.

- Tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn tốt để đào tạo kế cận, thay thế. Có chính sách đãi ngộ tốt đối với lao động chất lượng và có tâm huyết xây dựng sự phát triển của Công ty.

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty. Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ tốt trong các phòng ban Công ty.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi. Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu.

- Tăng cường đổi mới trong cách thức Quản trị doanh nghiệp; lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chí hàng đầu trong chiến lược kinh doanh.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

*** Đối với môi trường:**

- Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tác động môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục những ảnh hưởng xấu.

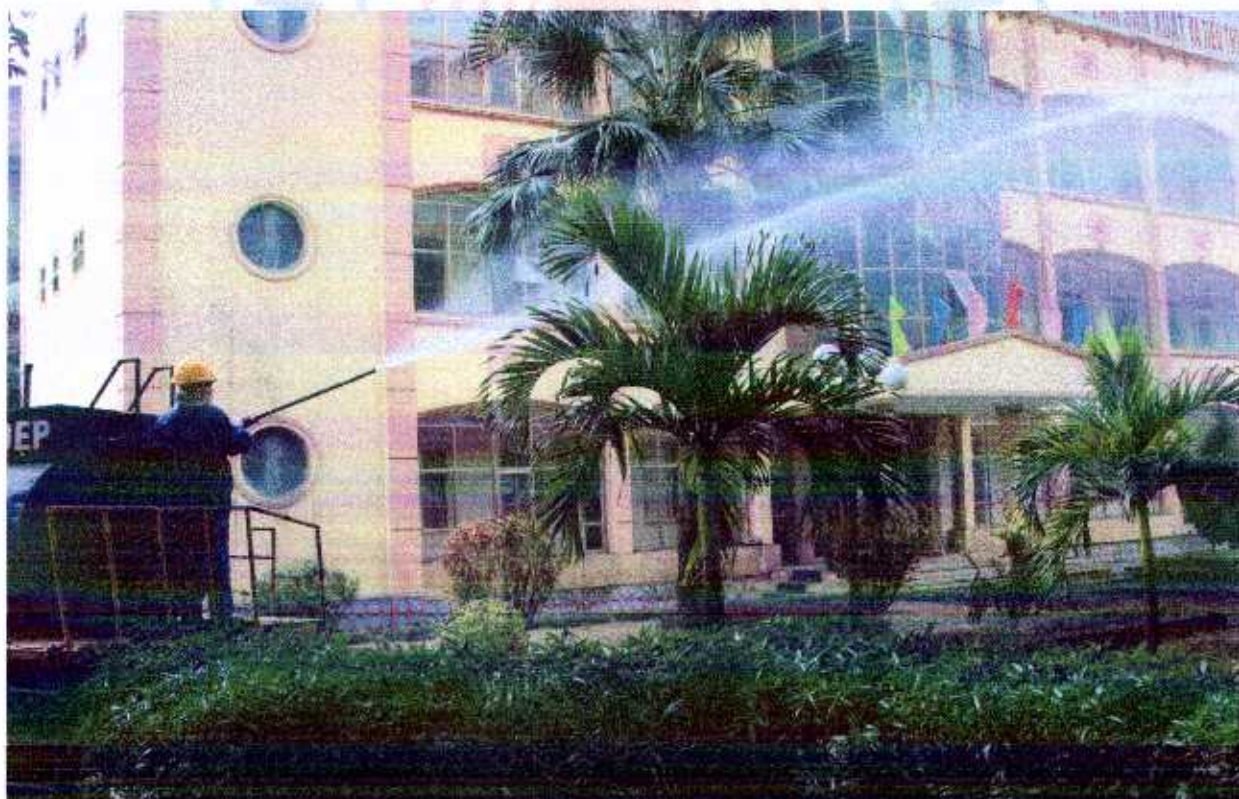
- Lắp đặt hệ thống lọc bụi tại các vị trí sản xuất cần thiết, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý các chất thải rắn phát sinh đúng các quy định trong Quy trình xử lý chất thải.

- Kiểm tra, đánh giá tác động của dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, đá, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Tổ chức các phong trào xanh, sạch, đẹp, làm vệ sinh, trồng bổ sung cây xanh quanh nhà máy và các khu đất trống. Thường xuyên có xe phun, rửa nước cho cây xanh và đường giao thông trong nội bộ.





*** Đối với xã hội và cộng đồng:**

Hường ứng tích cực thông điệp của Thủ tướng Chính phủ “Không để người dân nào bị bỏ lại phía sau” Công ty đã rất tích cực trong các hoạt động:

- Xây nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ thiên tai hỏa hoạn.
- Thường xuyên có những đóng góp với địa phương trong công tác từ thiện, quỹ khuyến học, phong trào văn hóa thể thao và công tác xã hội khác.
- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, giúp đỡ các gia đình chính sách, người nghèo, đóng góp để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng.

5. Các rủi ro:

Công ty có thể bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh bởi các rủi ro sau:

5.1. Rủi ro về kinh tế

Những diễn biến của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế. Công ty cổ phần Xi măng La Hiền VVMH là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm

phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

*** Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tốc độ tăng trưởng GDP)**

Năm 2021 là một năm đầy thách thức với kinh tế Việt Nam, dịch Covid-19 với biến chủng mới đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Nhiều tỉnh, thành phố là đầu tàu kinh tế, trọng điểm sản xuất công nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang,...

Trước tình hình đó, Chính phủ đã ban hành những quyết sách kịp thời để phòng chống sự lây lan của dịch bệnh và phát triển kinh tế đảm bảo an sinh xã hội. Đặc biệt là Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả của dịch Covid-19”, cùng với các chính sách đảm bảo an sinh xã hội khác. Điều này đã “cởi trói” dần cho nền kinh tế, các hoạt động sản xuất kinh doanh được hoạt động trở lại trong trạng thái bình thường mới, lưu thông giữa các tỉnh, thành phố đã cởi mở hơn, kinh tế dần hồi phục và tăng trưởng trở lại ở những tháng cuối năm.

Tăng trưởng kinh tế năm 2021 ước tính đạt 2,58% so với năm trước, đây là một thành công lớn của nước ta trong việc phòng chống dịch bệnh, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2021, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 4,8% so với năm 2020 (năm 2020 tăng 3,3%). Mức tăng trưởng này của ngành công nghiệp trong bối cảnh toàn cầu và Việt Nam chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 là điểm sáng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của toàn bộ nền kinh tế năm 2021.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, clinker phục vụ cho xây dựng, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo việc đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng và ngược lại.

Theo những phân tích trong Báo cáo ngành xi măng của VCBS (Vietcombank Securities): “Trong nước thị trường xây dựng bắt đầu hồi phục sau giãn cách: Do ảnh hưởng của COVID-19 mà tiến độ giải ngân vốn đầu tư công 2021 thấp hơn trong 9 tháng đầu năm, tuy nhiên kế hoạch vốn giải ngân đầu tư công năm 2020-2021 đang ở mức cao so với trung bình 3 năm trước đó. Vậy nên, sau khi mở cửa lại nền kinh tế sẽ giúp thúc đẩy nhu cầu xi măng.

Áp lực cạnh tranh gia tăng khi các nhà máy mới đi vào hoạt động trong năm 2021-2022 (+7.8 triệu tấn) khiến cho tình trạng dư thừa công suất tiếp tục gia tăng làm tình hình cạnh tranh giá bán sẽ tiếp tục (đặc biệt tại thị trường miền

Bắc và miền Trung). Trong ngắn hạn, giá bán sẽ chịu áp lực lớn do lượng hàng tồn kho lớn gây ra bởi sản lượng tiêu thụ giảm sâu.

Giá thành sản xuất vẫn duy trì mức cao khi giá than nhập khẩu vẫn giữ ở mức 154 USD/tấn, chịu ảnh hưởng lớn từ thị trường năng lượng thế giới. Giá than trong nước hiện tại đang thấp hơn so với thế giới với khoảng 100 USD/tấn, tuy nhiên đã điều chỉnh tăng 9-12% từ T8/2021, và sang năm 2022 thì giá than trong nước có thể điều chỉnh tăng (do chi phí sản xuất khai thác than hầm lò cao hơn) gây thêm áp lực cho giá thành sản xuất xi măng trong nước”.

Như vậy, sản lượng tiêu thụ nội địa sẽ tăng trưởng trở lại trong năm 2022, tuy nhiên cũng theo phân tích trong Báo cáo ngành xi măng của VCBS đối với thị trường xuất khẩu lớn như Trung Quốc sản lượng xuất khẩu xi măng sang Trung Quốc có thể sẽ suy giảm do một trong các nguyên nhân sau:

“Trung Quốc cắt giảm sản xuất xi măng: sản xuất xi măng sử dụng nhiều than/ phát thải carbon và thải ra rất nhiều bụi gây tác động xấu đến môi trường. Trong khi đó, Trung Quốc đang hướng tới cắt giảm carbon trong kế hoạch 5 năm của mình. Đồng thời, Q1/2022 cũng là thời điểm thế vận hội mùa đông 2022 tại Bắc Kinh diễn ra sẽ giúp cắt giảm sản lượng sản xuất các nhà máy xi măng hơn nữa.

Thị trường bất động sản Trung Quốc chững lại: Trung Quốc đang tiến hành siết dần thị trường bất động sản với chính sách “3 lần ranh dờ” đã làm hạn chế khả năng vay nợ và đảo nợ của các nhà phát triển bất động sản. Cùng với đó là sự kiện Evergrande cũng làm nguội bớt thị trường bất động sản tại Trung Quốc.

Việt Nam dự kiến tăng thuế xuất khẩu với mặt hàng clinker từ 5% lên 10%: Bộ Tài Chính hiện tại đang đề xuất Chính Phủ tăng mức thuế suất lên nhằm hạn chế xuất khẩu sản phẩm dùng nhiều nguyên liệu, nhiên liệu và tài nguyên khoáng sản không tái tạo”.

Theo các yếu tố ảnh hưởng trên, xi măng La Hiên cũng không thể nằm ngoài những tác động ảnh hưởng đó và cũng sẽ là nhân tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty.

*** *Rủi ro tín dụng:***

Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình mà chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng chưa được thu hồi mà Công ty thường xuyên theo dõi.

*** *Lạm phát:***

Nhờ những chính sách quyết liệt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh

tế vĩ mô của Chính phủ mà lạm phát của Việt Nam trong những năm gần đây tăng ở mức thấp nhưng các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như chi phí điện, than, ... lại có xu hướng gia tăng, phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

*** Lãi suất:**

Một doanh nghiệp khi huy động vốn vay từ bên ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ chịu rủi ro khi lãi suất thị trường tăng hoặc giảm. Công ty cổ phần Xi măng La Hiền VVMI sử dụng nguồn vốn vay làm nguồn tài trợ chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, diễn biến tăng giảm lãi suất sẽ có tác động ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Tỷ giá hối đoái:**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và biến động của tỷ giá hối đoái dẫn đến những tác động bất lợi cho doanh nghiệp.

5.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần niêm yết, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng La Hiền VVMI sẽ chịu sự điều chỉnh chủ yếu của Luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác đến lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Là quốc gia đang phát triển, đang trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường nên hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung, dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù

*** Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào**

Những vật tư, nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất xi măng bao gồm: Đá vôi, đất sét, than, dầu, thạch cao, quặng sắt, cước vận tải,... Về nguyên liệu chính, Công ty có lợi thế sở hữu mỏ nguyên liệu trữ lượng lớn và chất lượng cao, đáp ứng cho việc sản xuất xi măng. Còn đối với các nguyên liệu cần có sự cung cấp từ bên ngoài có đặc tính biến động theo giá thị trường, một mặt, Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ hiện đại hơn nhằm

nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu; mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Tuy nhiên đây chuyên thiết bị của Công ty chủ yếu được nhập từ Trung Quốc, dịch bệnh Covid – 19 bắt nguồn từ nước này nên cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc nhập khẩu thiết bị, thông quan, nhập cảnh của các chuyên gia đến làm việc tại Công ty.

** Rủi ro cạnh tranh*

Vị trí công ty nằm trong khu vực có mật độ tập trung các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước (toàn Tỉnh Thái Nguyên hiện có 05 Nhà máy xi măng) do đó tình trạng cung vượt cầu rất lớn dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa, đẩy mặt bằng giá xuống thấp. Tuyến đường vận chuyển độc địa bằng đường bộ, nhỏ hẹp, lưu lượng xe lớn làm tăng chi phí cho việc vận chuyển tiêu thụ sản phẩm và cung cấp vật tư đầu vào. Ngoài ra, trong thời gian tới, công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm xi măng nước ngoài khi Việt Nam mở cửa theo các hiệp định thương mại quốc tế như Hiệp định Thương mại tự do (FTA), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),...

5.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty khi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển, và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của công ty sẽ là một yếu tố rủi ro khó lường trước.

5.5. Rủi ro về môi trường

Quá trình sản xuất clinker và xi măng tại các nhà máy xi măng trên toàn Thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan tới việc thải ra khối lượng khói bụi vào môi trường sống. Sự ô nhiễm do quá trình sản xuất xi măng đang buộc chúng ta phải có những thay đổi tích cực mà mục tiêu không gì khác

là bảo vệ môi trường. Do vậy sẽ rất rủi ro cho hoạt động của Công ty khi chưa đầu tư hoặc không thể đầu tư được các hệ thống thiết bị để xử lý khói bụi.

5.6. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Thiên tai, dịch bệnh, bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như giảm sản lượng hoặc gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất đối với Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Kết thúc năm 2021, mặc dù tiêu thụ xi măng trong nước giảm khoảng 5% so với năm 2020 nhưng ngành xi măng lập kỷ lục tiêu thụ 105,6 triệu tấn sản phẩm. Đây cũng là năm thứ 2 ngành này tiêu thụ vượt mốc 100 triệu tấn. Kết quả xuất khẩu tăng vượt mong đợi đã “cứu” ngành xi măng thoát khỏi cảnh sụt giảm, đạt tăng trưởng 2%.

Sản lượng xi măng, clinker xuất khẩu cả năm 2021 đạt hơn 45 triệu tấn, trị giá gần 1,8 tỷ USD, giá xuất khẩu trung bình khoảng 39 USD/tấn. Trong đó, xuất khẩu clinker chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với xi măng. Trước đó, năm 2020, Việt Nam xuất khẩu 38 triệu tấn xi măng và clinker, thu về 1,46 tỷ USD.

Trước đây, tiêu thụ xi măng nội địa và xuất khẩu luôn có khoảng cách lớn, với tỷ lệ lần lượt là 70 - 30% tổng mức tiêu thụ, nhưng những năm gần đây, khoảng cách này đã dần rút ngắn lại. Năm 2021, tỷ lệ này là 58 - 42%. Có thể thấy, thị trường nội địa vốn là khu vực tiêu thụ chính của ngành xi măng đang chững lại, trong khi đó, nhu cầu nhập khẩu lại tăng rất mạnh, nhất là từ các thị trường Trung Quốc, Bangladesh...

Năm 2021, xuất khẩu xi măng, clinker đạt con số kỷ lục, do hoạt động xây dựng trong nước tăng trưởng thấp vì ảnh hưởng của đại dịch và nhiều yếu tố khác, dẫn đến sản lượng tiêu thụ bị hạn chế. Những năm trước, tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng đạt 7 - 12%/năm, nhưng năm 2021, xây dựng giảm, nên tiêu thụ xi măng, clinker trong nước giảm sút. Chính vì vậy, các doanh nghiệp sản xuất phải đẩy mạnh tìm thị trường xuất khẩu để duy trì công suất sản xuất xi măng.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của cả nước, năm 2021 cũng là năm thành công của ngành xi măng Việt Nam, Công ty cổ phần xi măng La Hiên

cũng phần nào được hưởng từ lợi thế đó.

Trong năm Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Công ty luôn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống, đã mở thêm một số vùng thị trường mới, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

- Sử dụng nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả, giảm ~ 69% chi phí tài chính so với năm liền kề.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, trong năm đã hạn chế xảy ra sự cố đột xuất trong sản xuất. Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia giúp hạ giá thành sản phẩm.

- Duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động, không để sản phẩm tồn kho lớn làm giảm chất lượng sản phẩm và ứ đọng vốn.

Năm 2021 tiếp tục là năm Công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đã được tăng trưởng rõ nét. Quyền lợi của cổ đông và người lao động đều được nâng cao.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

* Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	KH năm 2021	Thực hiện năm 2021	% TH 2021/2020	% TH/KH
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	781.663,47	740.000	805.916,11	103,10	108,91
1	Xi măng	"	746.158,19	690.000	726.077,02	97,31	105,23
2	Clinker thương phẩm	"	35.505,28	50.000	79.839,09	224,87	159,68
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	781.663,47	740.000	805.916,11	103,10	108,91
-	Xi măng	"	746.158,19	690.000	726.077,02	97,31	105,23
-	Clinker thương phẩm	"	35.505,28	50.000	79.839,09	224,87	159,68
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	712.994,00	653.063,41	734.621,66	103,03	112,49
-	Xi măng	"	688.480,44	619.974,92	679.764,00	98,73	109,64
-	Clinker thương phẩm	"	22.594,27	30.454,54	51.312,71	227,10	168,49

T T	Chỉ tiêu	DVT	Thực hiện năm 2020	KH năm 2021	Thực hiện năm 2021	% TH 2021/2020	% TH/KH
-	Doanh thu, thu nhập khác		1.919,28	2.633,95	3.544,95	184,70	134,59
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	57.419,66	39.500	68.383,37	119,09	173,12
D	Cổ tức (dự kiến)	%	25	15	33	132,00	220,00
G	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	45.579,18	37.494	53.367,42	117,09	142,34
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động bình quân	Người	573	573	552	96,34	96,34
2	Tiền lương bình quân	Đ/n/th	12.838.921	10.907.000	14.469.227	112,70	132,66

* Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:

Năm 2021 sản lượng tiêu thụ tăng 3,1%, doanh thu tăng 3,03% còn lợi nhuận trước thuế lại tăng 19,09% so với năm 2020. Do Công ty điều hành tiết kiệm được các khoản chi phí nên lợi nhuận trong năm 2021 cũng đã tăng trưởng vượt bậc.

- Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI luôn xác định chủ động nắm bắt tình hình, linh hoạt trong điều hành chỉ đạo, xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Công ty luôn vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, tiết kiệm các chi phí trong sản xuất nhằm giữ được giá thành hợp lý đảm bảo tính cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Đặc biệt Công ty luôn có sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của cán bộ và tập thể người lao động. Bộ máy quản lý đã chủ động và sát sao hơn trong điều hành sản xuất, công tác thị trường, tiếp cận các hộ tiêu dùng trực tiếp nhằm tăng sản lượng. Công ty đã biết vận dụng linh hoạt trong cơ chế bán hàng, tiết kiệm tốt các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện quản lý tốt máy móc thiết bị, công nghệ nên đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2021 và đạt mức lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay.

2. Tổ chức và nhân sự**2.1. Danh sách Ban điều hành:****2.1.1 Ông Nguyễn Văn Dũng:**

Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 01/10/1966

Quê quán: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.946 Ngày cấp: 20/7/2017 Nơi cấp: CA Thái Nguyên.

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,523%

2.1.2 Ông Lê Bá Chức:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 10/05/1965

Quê quán: Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.490 Ngày cấp: 24/01/2000 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 07, Phường Túc Duyên, TP Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,157%

2.1.3 Ông Trần Quang Khải:

Chức vụ: Quyền Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI (Kể từ ngày 22/11/2021)

Ngày/tháng/năm sinh: 27/07/1973

Quê quán: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.752.277 Ngày cấp: 01/06/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 14, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xi nghiệp, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,041%

2.1.4 Ông Phạm Mạnh Tiến:

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 07/02/1969

Quê quán: Xã Thụy Dương, Huyện Thụy Anh, Tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD: 019069001194 Ngày cấp: 21/4/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QL HC TTXH Bộ CA

Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,066%

2.1.5 Bà Lê Thị Thu Hiền:

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Ngày/tháng/năm sinh: 04/05/1974

Quê quán: Phường Quảng Đông, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.943 Ngày cấp: 03/04/2019 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 05, Phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,38%

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Nguyễn Văn Dũng thôi giữ chức danh Giám đốc Công ty kể từ ngày 21/11/2021

- Ông Trần Quang Khải bắt đầu giữ chức danh Quyền giám đốc Công ty kể từ ngày 22/11/2021

- Ông Vũ Ngọc Bách thôi giữ chức danh Phó giám đốc Công ty kể từ ngày 01/07/2021

- Ông Phạm Mạnh Tiến bắt đầu giữ chức danh Phó giám đốc Công ty kể từ ngày 15/10/2021

- Bà Lê Thị Thu Hiền thôi giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 22/04/2021

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

- Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 548 người, trong đó:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Cán bộ quản lý	36	6,57%
2	Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	43	7,85%
3	Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ	84	15,33%
4	Nhân viên phục vụ	32	5,84%
5	Công nhân lao động	352	64,23%
6	Công đoàn	1	0,18%
	Tổng cộng:	548	100,00%

Và có các trình độ chuyên môn sau:

STT	Diễn giải	Số người	Tỷ lệ %
1	Trình độ thạc sỹ	6	1,09%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	149	27,19%
3	Trình độ trung cấp	43	7,85%
4	Công nhân kỹ thuật	348	63,50%
5	Lao động phổ thông	2	0,36%

	Tổng cộng:	548	100,00%
--	-------------------	------------	----------------

- Thực hiện chủ trương tái cơ cấu và sắp xếp lao động, trong năm đã giải quyết nghỉ chế độ và chấm dứt hợp đồng lao động cho 09 người, tuyển dụng bổ sung 01 người.

- Xác định nguồn nhân lực luôn là nguồn quan trọng nhất, là chìa khóa của sự thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của Công ty.

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.

- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.

- Công ty luôn có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (2 lần/năm). Trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Động viên khen thưởng kịp thời và tặng quà cho người lao động nhân các dịp lễ. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động, cho người lao động đi thăm quan, nghỉ mát vv... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

*** Đầu tư tài chính:**

Công ty không có các khoản đầu tư tài chính nào.

*** Đầu tư dự án:**

Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2021 Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư ghi trong kế hoạch năm, cụ thể:

a) Công trình chuyển tiếp: Gồm: 02 máy nén khí 160KV; 01 thiết bị phân tích chất lượng clinker .

+ Máy nén khí (02 cái): đã hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng ngày 27/9/2021 với giá trị: 2,78 tỷ đồng.

+ Thiết bị phân tích chất lượng Clinker (01 chiếc): Đã dùng đầu tư theo Quyết định số 46/QĐ-HĐQT ngày 11/10/2021.

+ Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn: Đã hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng ngày 27/1/2021 với giá trị quyết toán công trình là: 3,56 tỷ đồng.

b) Công trình khởi công mới: Kho chứa nguyên vật liệu xi, thạch cao. .

- Đã hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng ngày 02/11/2021 với giá trị là. 3,34 tỷ đồng.

c) Công trình chuẩn bị đầu tư.

- Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II: Nhà thầu đã khảo sát và đang lập phương án kỹ thuật.

- Dự án đầu tư quạt gió nhiệt độ cao lò 2 và dự án đầu tư cải tạo tháp trao đổi nhiệt lò 2: Do dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp nên chưa tiếp xúc được với nhà thầu tư vấn khảo sát lập dự án.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính**4.1. Tình hình tài chính**

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng (+); Giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	306.212,55	307.523,97	0,43%
2	Doanh thu thuần	712.913,62	733.785,51	2,93%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	57.359,65	68.389,05	19,23%

4	Lợi nhuận khác	60,01	(5,68)	-109,46%
5	Lợi nhuận trước thuế	57.419,66	68.383,37	19,09%
6	Lợi nhuận sau thuế	45.846,85	54.488,14	18,85%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	65,44%	72,68%	11,07%

- Các chỉ tiêu khác:

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:	Lần			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	"	0,83	1,25	
	TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
+	Hệ số thanh toán nhanh:	"			
	TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn		0,58	1,11	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	"	0,38	0,34	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	"	0,62	0,51	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
+	Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng			
	Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân		34,84	34,53	
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,33	2,39	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+	Lợi nhuận biên	%			
	Lợi nhuận sau thuế Doanh thu thuần		6,43%	7,43%	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
+	Tỷ suất ROE	%			
	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> Vốn chủ sở hữu		24,27%	26,72%	
+	Tỷ suất ROA	%			
	<u>Lợi nhuận sau thuế</u> Tổng tài sản		14,97%	17,72%	
+	Tỷ suất LN từ HĐKD / DTT	%			
	<u>LN từ hoạt động KD</u> Doanh thu thuần		8,05%	9,32%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 12.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 12.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 11.978.400 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 21.600 cổ phần.

+ Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do quyết định của Tòa án: là 21.600 cổ phiếu. Đây là trường hợp cổ đông Phạm Triều Dương bị thu hồi cổ phiếu theo Quyết định số 23/QĐ-THA ngày 19/4/2010 của Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Thái Nguyên.

- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	12.000.000	100%
+	Cổ đông lớn	6.165.960	51,383%
+	Cổ đông nhỏ	5.834.040	48,617%

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	12.000.000	100%
+	Cổ đông tổ chức	7.317.900	60,9825%
+	Cổ đông cá nhân	4.682.100	39,0175%
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	12.000.000	100%
+	Cổ đông trong nước	11.979.740	99,831%
+	Cổ đông nước ngoài	20.260	0,169%
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	12.000.000	100%
+	Cổ đông nhà nước	6.165.960	51,383%
+	Cổ đông khác	5.834.040	48,617%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Công ty không có các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty luôn tuân thủ và tích cực thực hiện theo các chính sách cũng như các chương trình hành động quốc gia về phát triển bền vững. Tinh thần đó được thể hiện xuyên suốt trong hệ thống quản lý của Công ty.

Mục tiêu và kế hoạch hành động đặt ra là: Bảo vệ Môi trường bền vững, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xanh hóa sản xuất và môi trường sống. Quản lý việc sử dụng nguồn nước và các tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây nhằm cải thiện môi trường sống, giảm thiểu lượng rác thải ra ngoài môi trường.

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đá vôi	Tấn	542.391,5	
2	Đá phụ gia	“	155.761,9	
3	Đá thải	“	125.066,3	
4	Đất sét	“	36.659	
5	Đất cao silic	“	46.432,3	
6	Quặng sắt	“	14.693,3	
7	Thạch cao	“	6.272,2	
8	Đá mặt	“	145.310,4	
9	Đá học	“	70.302,1	
10	Tro đáy	“	676,1	
11	Tro bay nhà máy nhiệt điện	“	970,64	
11	Phụ gia thu hồi	“	652,5	
12	Phụ gia trợ nghiền	“	389.219	
13	Vỏ bao	Vỏ	14.533.744	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Công ty đã tận dụng lại các nguyên vật liệu thải ra trong quá trình sản xuất để tái chế sử dụng lại như tro đáy từ nhà máy điện, đá bã sàng từ than góp phần giảm thải ra môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu diezen	Lít	761.134,00	
2	Xăng A95	“	16.338,00	
3	Than cám 5a.6	Tấn	85.983,34	
4	Điện năng	KW	76.865.671	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Việc tăng cường triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một giải pháp thiết thực giúp cải thiện hiệu quả của nền kinh tế, đồng thời giúp bảo tồn nguồn năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. Theo Bộ Công Thương, ngành công nghiệp hiện chiếm hơn 47% tổng tiêu thụ năng lượng toàn quốc, với tiềm năng tiết kiệm năng lượng lên tới 30 - 35%. Chính vì vậy, việc Công ty sản xuất tăng cường triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến góp phần sử dụng năng lượng có hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Xác định năng lượng là một nguồn tài nguyên, khoáng sản của quốc gia. Con người sống không thể thiếu năng lượng mà năng lượng là hữu hạn do vậy chúng ta cần sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên luôn nghiên cứu và áp dụng các giải pháp nhằm sử dụng tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng. Trong cơ cấu sản phẩm của Công ty thì yếu tố than, điện chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành sản phẩm, do vậy giải pháp tiết kiệm tiêu hao than, điện là vấn đề luôn được quan tâm chỉ đạo trong quá trình thực hiện.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Hiện công ty có nguồn cung cấp nước mặt và nước từ giếng khoan với lượng nước sử dụng trong năm là: Nước mặt 34.739 m³, nước giếng 11.969 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty xây dựng bể chứa nước tuần hoàn để phục vụ sản xuất nhằm tránh lãng phí trong sử dụng tài nguyên nước với tỷ lệ tái sử dụng lại trên 80%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn nghiêm túc trong việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống Quan trắc khí thải tự động đã đưa vào sử dụng nhằm kiểm soát

tốt mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất đối với môi trường để từ đó có những giải pháp khắc phục kịp thời, hạn chế tác động xấu đến môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2021 Công ty có 548 người lao động, số lao động bình quân trong năm là 552 người, tiền lương bình quân đạt 14.469.227 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Người lao động luôn được quan tâm trong việc chăm sóc sức khỏe, được hưởng chế độ bồi dưỡng độc hại đầy đủ theo quy định. Hàng năm được tập huấn an toàn để phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra trong sản xuất cũng như đời sống hàng ngày. Định kỳ một năm hai lần có tổ chức các đợt khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động giúp người lao động yên tâm công tác.

Thực hiện đúng số giờ làm việc của người lao động theo quy định của pháp luật. Luôn để người lao động thấy Công ty trở thành nơi làm việc tốt nhất và lý tưởng nhất cho người lao động. Thu hút và giữ chân được nhân tài, duy trì môi trường làm việc lý tưởng, chính sách đãi ngộ và phúc lợi tốt nhất có thể.

- Rèn luyện thể thao để tăng cường sức khỏe trong CBCNV Công ty:



c) Hoạt động đào tạo người lao động



Củng cố nhân sự bền vững, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức cho nhân viên; đào tạo để nâng cao tay nghề cho người lao động; cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhằm nâng cao trình độ năng lực trong quản trị kinh doanh.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Xây dựng doanh nghiệp phát triển gắn với trách nhiệm xã hội là vấn đề được ưu tiên, là nhu cầu tất yếu của Công ty. Công ty luôn đề cao “Thương hiệu gắn bó cộng đồng”. Chung tay cùng xây dựng một cộng đồng bền vững. Tích cực tổ chức/tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng. Đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên... đang ảnh hưởng tới sự ổn định môi trường sống của loài người, khiến các quốc gia phải nghĩ tới việc phát triển bền vững. Trước xu hướng phát triển bền vững trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, Việt Nam đang triển khai Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh với nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp tích cực vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược Tăng trưởng xanh là “Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Phải phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Để thực hiện tăng trưởng xanh, việc tạo ra được sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý, các tổ chức chính trị, xã hội, cộng đồng doanh nghiệp cũng như công chúng đầu tư là rất quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến động thái của thị trường vốn xanh.

Tại Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, chúng tôi luôn hiểu rằng sự phát triển và thành công của một doanh nghiệp không chỉ là những con số về tài chính mà còn là sự gắn kết, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất

nước, xã hội, cộng đồng và các đối tác liên quan. Với nhận định đó, trong nỗ lực phát triển bền vững của mình, Xi măng La Hiên luôn nỗ lực hết mình trong việc tìm kiếm và triển khai các giải pháp trong định hướng tăng trưởng xanh (thị trường vốn xanh) và phát triển bền vững của đất nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

** Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.*

Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Do đó, để trở lại quỹ đạo tăng trưởng, Việt Nam cần thực hiện Chương trình phục hồi kinh tế bền vững vừa đủ liều lượng, vừa trúng mục tiêu và với thể chế thực thi hiệu quả. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao.

Trong điều kiện tác động, ảnh hưởng từ bên ngoài rất lớn và ngày càng gia tăng, Công ty kiên định mục tiêu đề ra, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là *giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng*.

Đối với Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2021 cũng vẫn còn gặp nhiều khó khăn tại thị trường trong nước do nằm trong vùng có mật độ các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước, tình trạng cạnh tranh tại các khu vực là thị trường truyền thống rất quyết liệt.

Nhận định được những khó khăn đó trong năm 2021 Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, ngay từ những tháng đầu năm Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 805.916,11 tấn/KH 740.000 tấn = 108,91% kế hoạch giao; doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập khác thực hiện đạt 734.621,66 trđ/KH 653.063,41 trđ = 112,49% kế hoạch giao; Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 68.383,37/KH 39.500 tr.đồng = 173,12% kế hoạch giao; sản xuất luôn đảm bảo an toàn.

Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đều hoàn thành vượt mức so với kế hoạch, đồng thời Hội đồng quản trị và ban điều hành tiếp tục vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm tốt các yếu tố chi

phí trong sản xuất, áp dụng tốt các sáng kiến kỹ thuật, công nghệ và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại lợi nhuận tốt hơn so với kế hoạch đề ra. Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2021 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đề ra, sản xuất được duy trì ổn định; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2021 Ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được giao và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

**** Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:***

Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ vững thị trường hiện có, tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới. Thành công của công tác thị trường năm 2021 là Công ty đã tăng được cơ cấu sản phẩm xi măng bao có giá bán cao, giảm cơ cấu sản phẩm xi măng bột, clinker giá bán thấp tăng hiệu quả kinh doanh năm 2021.

Năm 2021 do tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, thị trường xuất khẩu không ổn định, tăng giảm thất thường dẫn đến giá các loại xi măng trên thị trường biến động luôn có xu hướng giảm giá, đã làm ảnh hưởng lớn đến thị trường tiêu thụ của công ty.

Lãnh đạo Công ty rất sát sao trong công tác chỉ đạo, bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh

tranh, thường xuyên nắm bắt thông tin về nhu cầu của khách hàng đưa ra các giải pháp thích hợp để tăng sản lượng xi măng bán vào các thị trường có giá bán cao.

Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ với khách hàng, đơn đốc việc thu hồi công nợ.

*** Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:**

Công tác kiểm tra sản phẩm trong dây chuyền được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo số liệu có độ chính xác tin cậy cung cấp cho các bộ phận liên quan góp phần phát hiện, xử lý và có biện pháp khắc phục - phòng ngừa sản phẩm không phù hợp. Sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, thay thế phụ gia có giá thấp trong xi măng để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển. Cân đối sản lượng tồn kho, kiểm soát chặt chẽ thiết bị phải dừng hoạt động vào giờ cao điểm và chủ yếu hoạt động vào giờ thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, giảm giá thành sản phẩm.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

Tích cực tìm các giải pháp để đầu tư cải tiến thay thế thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật thay thế thiết bị mới tốt hơn tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm. Tổ chức tốt việc bảo dưỡng, sửa chữa sự cố, sửa chữa lớn thiết bị, chủ động dừng lò và thiết bị để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch vào các thời điểm tết nguyên đán và mùa mưa sản lượng tiêu thụ chậm.

Tổ chức kiểm tra giám sát công tác quản lý chăm sóc thiết bị của các đơn vị phân xưởng sản xuất, phát hiện các dấu hiệu hư hỏng máy móc thiết bị trong dây chuyền, phối hợp cùng các đơn vị đưa ra phương án xử lý sửa chữa nhằm

đảm bảo cho thiết bị dây chuyền hoạt động ổn định về chất lượng, năng suất và tăng thời gian huy động, giảm sự cố thiết bị đột xuất không mong muốn trong năm 2022.

*** Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, điều hành tiết kiệm chi phí:**

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa trong sản xuất là vấn đề luôn được quan tâm. Năm 2021 các tập thể và các cá nhân người lao động đã có 24 sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết thực có giá trị và làm lợi cho Công ty nhiều tỷ đồng và cải thiện môi trường làm việc trong Công ty.

Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu, giải pháp điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Tổng Công ty để chỉ đạo điều hành, thực hiện chương trình tiết kiệm chống lãng phí năm 2021 với các nhóm giải pháp tích cực. Thành lập ban chỉ đạo, ban hành chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí năm 2021 kèm theo các nhóm giải pháp điều hành, và nghiệm thu kết quả thực hiện với các chỉ tiêu cụ thể.

*** Công tác kế hoạch, khoán quân:**

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

- Công tác vật tư: Tích cực tìm nguồn hàng vật tư nguyên vật liệu sản xuất trong nước đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh để phục vụ sản xuất. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh. Công tác quản lý kho tàng, xuất nhập vật tư an toàn đúng pháp luật. Thực hiện quyết toán vật tư theo quy định, theo dõi việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư và tham gia xây dựng định mức tiêu hao vật tư ở các phòng ban phân xưởng trong Công ty. Trong năm tổ chức sắp xếp quản lý kho vật tư hợp lý, an toàn khoa học. Số dư hàng tồn kho vật liệu cuối kỳ đạt hệ số tồn kho <4% theo quy định của Tập đoàn TKV và Tổng công ty.

- Công tác đầu tư xây dựng: Thực hiện các dự án theo kế hoạch giao trên cơ sở nghiên cứu thực hiện trước các dự án đầu tư phát triển phục vụ trực tiếp cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện các dự án, tổ chức đấu thầu thực hiện đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

*** Công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời

các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch giao. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty luôn được bảo toàn và tăng trưởng tốt, các hệ số tài chính được cải thiện rõ rệt.

*** Công tác Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:**

Phòng Tổ chức lao động đã tích cực tham mưu cho Giám đốc phương án Tái cơ cấu lao động, trong năm 2021 đã giảm được 9 lao động, tuyển dụng thêm 01 lao động được đào tạo tốt. Tập trung lao động cho mục tiêu chính, cốt lõi của Công ty; Tinh giản lao động không làm giảm chất lượng lao động; Tái cơ cấu lực lượng lao động đi đôi với tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, TN, YT, KPCĐ cho người LĐ trong Công ty đầy đủ đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

*** Các phân xưởng sản xuất:**

Quản lý chặt chẽ quy trình vận hành, chủ động trong công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị và dự báo vật tư dự phòng thay thế. Tình trạng kỹ thuật thiết bị luôn được theo dõi chặt chẽ, các dấu hiệu sự cố được chủ động phát hiện và xử lý kịp thời duy trì thiết bị hoạt động ổn định. Công nhân vận hành có ý thức trách nhiệm cao, tự giác trong công tác chăm sóc bảo dưỡng thiết bị, trình độ vận hành thiết bị ngày càng được nâng cao.

*** Khôi phục vụ:**

Đã giúp việc cho Lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa

bệnh cho CNVC -LD. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho CNVC trở thành khu tập thể văn hóa.

Lực lượng bảo vệ phối hợp tốt với địa phương trong địa bàn làm công tác an ninh trật tự khu vực, giữ gìn trật tự an ninh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, thực hiện tốt công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

*** Công tác an toàn bảo hộ lao động:**

Công tác ATBHLĐ năm 2021 luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng BHLĐ của Công ty đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác AT-VSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ: Công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng quy chế thưởng phạt trong công tác AT-BHLĐ để tăng thêm hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định .

- Thanh toán cho người bán đúng hợp đồng, các khoản gốc, lãi vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng và trước kỳ hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ do ĐHĐCĐ quyết định và được việc sử dụng trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các Quy chế HĐQT đã ban hành.

2.1. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

*** Tình hình tài sản:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% Tăng, giảm
I	Tài sản ngắn hạn	73.608.102.988	119.301.233.964	62,08%
II	Tài sản dài hạn	232.604.448.109	188.222.731.923	-19,08%
	Tổng cộng	306.212.551.097	307.523.965.887	0,43%

Trong năm Công ty đã phát huy tối đa việc sử dụng tài sản và tiền vốn nhằm đạt được những lợi ích cao nhất. Tính đến thời điểm 31/12/2021 giá trị tổng tài sản của Công ty tăng 0,43% so với thời điểm 31/12/2020 chủ yếu do tăng tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn.

*** Tình hình công nợ phải thu:**

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% Tăng, giảm
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	16.239.068.812	6.966.908.161	-57,10%
2	Trả trước cho người bán	1.307.018.183	255.888.163	-80,42%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	639.463.821	1.348.178.570	110,83%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-815.695.900	-138.530.000	-83,02%
	Tổng cộng	17.369.854.916	8.432.444.894	-51,45%

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được đối chiếu xác nhận với khách hàng đầy đủ và đây cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép. Trong năm 2021 Công ty rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, nợ phải thu đã giảm 57,1% so với cùng kỳ năm trước. Trả trước cho người bán do Công ty thực hiện chính sách thanh toán trước tiền mua than, một số công nợ xấu cũng đã được thu hồi. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi giảm do thu hồi được công nợ của một số khách hàng đang trích lập dự phòng.

*** Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	34,84	34,53
2	Vòng quay khoản phải thu	"	16,69	21,18
3	Vòng quay vốn lưu động	"	11,29	13,13
4	Vòng quay tài sản dài hạn	"	3,06	3,90
6	Tỷ suất lợi nhuận / Tổng TS (ROA)	%	14,97	17,72
7	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn CSH (ROE)	%	24,27	26,72

Nhìn chung tài sản của Công ty được sử dụng tốt, các chỉ tiêu sử dụng tài sản đều được nâng cao hơn so với năm trước cho thấy Công ty đã rất tích cực trong việc quản lý và sử dụng tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	88.795.552.665	95.636.124.844	7,70%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	23.741.932.684	37.445.299.256	57,72%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	815.112.517	394.542.979	-51,60%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.514.450.703	7.362.023.139	-29,98%
4	Phải trả người lao động	37.072.199.683	38.615.028.999	4,16%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.550.305.167	3.303.122.581	-6,96%
6	Phải trả ngắn hạn khác	2.816.047.266	2.506.163.583	-11,00%
+	Tiền cổ tức phải trả	458.859.250	460.303.250	0,31%
+	Các khoản phải trả khác	2.357.188.016	2.045.860.333	-13,21%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.302.755.918	0	
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.982.748.727	6.009.944.307	-13,93%
II	Nợ dài hạn	28.523.599.622	7.984.534.717	-72,01%
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	28.074.838.638	7.500.000.000	-73,29%
2	Dự phòng phải trả dài hạn	448.760.984	484.534.717	7,97%
	Tổng cộng	117.319.152.287	103.620.659.561	-11,68%

Đối với thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước do có chính sách được chậm trả khi ngân sách còn nợ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế, do vậy số tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng nằm trong số tiền mà ngân sách còn nợ Công ty.

Phải trả ngắn hạn khác là các khoản do một số nhà thầu nộp tiền bảo đảm dự thầu và thực hiện cho hợp đồng mua bán năm 2022.

Vay tài chính ngắn hạn giảm do nợ dài hạn đến hạn trả của vay đầu tư đã giảm và vốn thiếu nguồn cũng đã được cải thiện do vay vốn vay ngắn hạn cũng đã được giảm xuống.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

Công ty chịu sự rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty có rủi ro tỷ giá hối từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Lãi suất vay vốn trong năm từ các tổ chức tín dụng được duy trì ở mức tương đối ổn định do vậy không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiết giảm lao động tuyệt đối 9 người do chấm dứt hợp đồng lao động kể từ đầu năm đến thời điểm 31/12/2021 tổng số lao động còn 548 người.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tại Việt Nam, dự báo của các tổ chức quốc tế uy tín đều đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% vào năm 2022 trong bối cảnh mà dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế. Dự báo trên căn cứ vào các điểm sau:

Một là, dư địa chính sách tài khóa của Việt Nam là vẫn còn, tạo điều kiện cho những sự tác động của Chính phủ nhằm khôi phục nền kinh tế.

Hai là, nền kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi tăng trưởng khi Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022 và năm 2023 với từng nhóm nhiệm vụ, giải pháp

Tình hình quốc tế, trong nước dự báo có những thời cơ thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen. Dự báo thị trường tiêu thụ xi măng năm 2022 cạnh tranh rất khốc liệt do cung vượt cầu, khó khăn và thách thức đối với Công ty là rất lớn.

Trong bối cảnh đó đòi hỏi chúng ta tiếp tục nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022 tạo tiền đề thuận lợi cho Công ty bước vào giai đoạn phát triển mới. Do vậy, kế hoạch đề ra là:

- Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cải tiến và hoàn thiện từng công đoạn sản xuất trong 02 dây chuyền lò quay xi măng loại bỏ thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả.

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Quản lý tốt công tác khoán quản trị, giao chi phí sản xuất chặt chẽ, sát với tình hình thực tế đảm bảo cụ thể, hiệu quả phù hợp giá thành sản xuất. Cung ứng kịp thời, đầy đủ về chủng loại, đảm bảo chất lượng, hợp lý về giá cả vật tư phụ tùng phục vụ sản xuất, có kế hoạch dự trữ vật tư cho SXKD hợp lý giúp quản lý tốt chỉ tiêu tồn kho vật tư, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn kinh doanh.

- Luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Nhạy bén, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả đồng vốn. Thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội và động cơ cho đầu tư phát triển và tái cơ cấu lao động. Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLD luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của kiểm toán, Báo cáo tài chính năm 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty; Báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ được lập phù hợp với các tiêu chuẩn kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Do vậy Ban giám đốc không có giải trình đối với ý kiến của kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Hiện nay biến đổi khí hậu đã trở thành một vấn đề toàn cầu và ngày càng tác động nghiêm trọng đến điều kiện môi trường sống trên trái đất. Trong đó Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Là một tổ chức hoạt động trong nền kinh tế, xi măng La Hiên luôn cam kết thực hiện các giải pháp phù hợp với sự đầu tư về tài chính, nhân lực và hệ thống quản lý đảm bảo xử lý tốt các nguồn thải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng và tiếp tục áp dụng sử dụng các nguồn nguyên liệu để góp phần vào mục tiêu giảm lượng phát thải khí nhà kính.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hàng năm Công ty đều lập kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ từ đầu năm, tổ chức thực hiện quan trắc các chỉ tiêu môi trường theo ĐTM và mạng lưới quan trắc đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên phê

duyet. Qua đó, đánh giá được mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường. Hệ thống xử lý nước thải, khí thải hoạt động ổn định, do vậy môi trường khu vực Công ty và dân cư xung quanh đều đảm bảo theo quy định. Năm 2021, hệ thống quan trắc khí thải tự động đã chạy ổn định, góp phần kiểm soát tốt hơn các chỉ tiêu về môi trường không khí. Sau các đợt quan trắc định kỳ, chỉ tiêu môi trường năm 2021 của Công ty đều đảm bảo theo quy định, cụ thể:

- Về khí thải:

+ Khí thải công nghiệp: Tất cả các chỉ tiêu phân tích của ống khói khí thải như: CO₂, SO₂, NO_x, nồng độ bụi... đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 23:2009/BTNMT, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

+ Môi trường không khí khu vực sản xuất: Tất cả các chỉ tiêu phân tích như: độ rung, tiếng ồn, ánh sáng... đều nằm trong giới hạn cho phép của quyết định 3733/2002/BYT. Điều đó cho thấy môi trường làm việc tại công ty tương đối tốt.

+ Môi trường không khí khu vực xung quanh: Các chỉ tiêu quan trắc các mẫu không khí xung quanh đại diện đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Không khí môi trường tại Công ty đảm bảo, do đó hoạt động sản xuất của Công ty chưa ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh.

- Về nước thải:

+ Nước thải sản xuất: Kết quả phân tích chất lượng nước thải sản xuất của Công ty định kỳ năm 2021 cho thấy các chỉ tiêu phân tích như: PH, COD, BOD₅, các kim loại nặng... đều trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn cho phép ghi tại QCVN 40: 2011/BTNMT.

+ Nước thải sinh hoạt: Các chỉ tiêu phân tích nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý đều trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT. Nước thải sinh hoạt xả ra môi trường không gây ảnh hưởng đến chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Xi măng La Hiền luôn quan tâm đến môi trường làm việc cho người lao động, hạn chế tối thiểu những ảnh hưởng xấu của môi trường đến sức khỏe người lao động.

Với ý thức đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường, Công ty nhận thức được trách nhiệm An toàn - Sức khỏe - Môi trường là một việc quan trọng như bất kỳ một hoạt động nào khác trong quá trình hoạt

động sản xuất kinh doanh.

Tất cả các nhân viên của khối sản xuất đã được triển khai thực hiện các nguyên tắc và cam kết tuân thủ theo các quy định của Công ty nhằm góp phần vào công tác an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, bảo vệ môi trường cũng như đóng góp vào việc bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động cộng đồng từ lâu đã trở thành truyền thống và là một phần không thể tách rời trong hoạt động tổng thể của xi măng La Hiên. Công ty luôn tham gia tích cực vào các hoạt động vì lợi ích cộng đồng trong sự đồng hành với các hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể, tổ chức xã hội.

Luôn có trách nhiệm bảo vệ và giảm thiểu những tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường sống xung quanh khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như trồng bổ sung cây xanh, thường xuyên tưới nước chống bụi...vv

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2021 nhận thức rõ được những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao cho như: Ảnh hưởng lớn của đại dịch viêm phổi cấp Covid - 19 đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Sự bùng phát nhanh chóng của dịch bệnh trên toàn cầu và chưa dừng lại cũng sẽ là rủi ro hết sức nguy hiểm đối với sự phát triển của toàn nền kinh tế. Môi trường kinh doanh của công ty vẫn chịu sự cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp, sản phẩm xi măng trên thị trường dư thừa nhiều do cung vượt cầu, thị trường bất động sản đã phục hồi nhưng chậm. Thiết bị sản xuất xi măng có công suất nhỏ, sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều. Số lượng lao động lớn, chi số giá tiêu dùng tăng cao đã làm cho đời sống công nhân viên chức lao động gặp nhiều khó khăn đó là những áp lực rất lớn trong năm 2021 đối với tập thể lãnh đạo và toàn thể công nhân viên chức của công ty.

Trong bối cảnh kinh tế luôn có những khó khăn và đầy thử thách, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển và ổn định của Công ty.

Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2021 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, năm 2021 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, tiêu thụ mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, đồng thời Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn khách quan, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp áp dụng để tiết kiệm chi phí đã cho được kết quả khả quan, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn so với kế hoạch trình tại đại hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022 dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục biến động; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng.

Nhìn chung, Covid-19 sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế trên phạm vi toàn cầu, làm gián đoạn các nguồn cung ứng sản phẩm, hàng hóa và trực tiếp gây trì trệ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Và chắc chắn, Việt Nam

cũng sẽ chịu không ít những ảnh hưởng bởi chúng ta có đường biên giới dài và nền kinh tế thị trường luôn mở cửa tự do.

Năm 2022 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt và có những diễn biến thay đổi khó lường, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2022 như sau:

*** Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2022**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	740.000	
1	Xi măng	"	690.000	
2	Clinker thương phẩm	"	50.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	"	740.000	
1	Xi măng	"	690.000	
2	Clinker thương phẩm	"	50.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	680.279	
1	Xi măng	Tr.đ	643.389	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	31.818	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	5.072	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	56.000	
D	Cổ tức	%	25,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	42.584	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động định mức	Người	552	
2	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/t hg	11,75	

*** Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2022: Tổng giá trị đầu tư ước tính: **16.963** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
I	Kế hoạch năm 2022			910
1	Điều tra, khảo sát, quy hoạch, chuẩn bị đầu tư			910
1.1	Dự án đầu tư cải tạo tháp trao đổi nhiệt lò 2	HT	1	860
1.2	Lập BCKTKT trạm cân 120 tấn	HT	1	50
II	Dự phòng			16.053
1	Dự án đầu tư trạm cân 120 tấn (tạm tính 50%)	HT	1	835
2	Dự án nâng cấp HT tự động hóa (DCS) dây chuyền II	HT	1	6.953
3	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022			8.266
3.1	Thiết bị quang phổ huỳnh quang tia X	Cái	1	4.586
3.2	Máy xúc đào bánh lốp dung tích gàu $\geq 1m^3$	Cái	1	3.680
	Tổng cộng			16.963

*** Định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Có kế hoạch sửa chữa, đầu tư thay thế các máy móc thiết bị trong dây chuyền đảm bảo dây chuyền thiết bị được hoạt động thông suốt và bền vững. Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như đá vôi, sét, đất caosilic... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho người lao động.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất, phân đấu tiết kiệm chi phí theo chủ trương của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc.

- Tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền thống, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Rà soát đánh giá kỹ công tác lao động - tiền lương, có lộ trình tăng năng suất lao động, tiết giảm lao động, tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật tốt để đào tạo nhân sự bền vững cho hoạt động của Công ty. Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với năng suất lao động và hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ .

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; cũng như phù hợp với các quy chế, qui định của Công ty mẹ và các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

- Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành Công ty.

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm báo cáo tài chính gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần (%)	Ghi chú
1	Ô. Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT- TP Quản lý vốn và kiểm soát nội bộ - Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	0,00%	
2	Ô. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty	0,523%	Đến ngày 29/12/2021
3	Ô. Trần Quang Khải	Ủy viên HĐQT - Quyền Giám đốc Công ty	0,041%	Từ ngày 29/12/2021
4	B. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty	0,380%	
5	Ô. Hà Văn Chuyển	Ủy viên HĐQT	0,00%	
6	Ô. Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT	0,00%	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về

nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty. Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
1	01/BB-HĐQT	14/1/2021	1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVM. 2. Phê duyệt tạm giao kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVM 3. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án đầu tư hệ thống cân cấp than dây chuyền lò quay số 2 4. Phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình kho chứa nguyên vật liệu xi, thạch cao 5. Phê duyệt hợp đồng thuê hoạt động cân cấp than với người có liên quan của Công ty 6. Phê duyệt hợp đồng mua bán than năm 2021 với người có liên quan của Công ty	Nội dung (1,2) 80% HĐQT nhất trí thông qua (4/5); Nội dung (3,4,5) 100% TV.HĐQT nhất trí thông qua (5/5); Nội dung (6) 100% TV.HĐQT nhất trí thông qua (2/2)

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
2	02/BB-HĐQT	30/3/2021	1. Phê duyệt kết quả SXKD quý IV, năm 2020 và giao kế hoạch SXKD quý I năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI. 2. Phê duyệt sắp xếp lại cơ cấu tổ chức phân xưởng Clinker của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI. 3. Triệu tập tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.	Nội dung (1,2) 100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5); Nội dung (3) về kế hoạch SXKD năm 2021 80% HĐQT nhất trí thông qua (4/5) còn các nội dung khác 100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5);
3	01/BBKP-HĐQT	07/4/2021	Phê duyệt hợp đồng mua bán vỏ bao với người liên quan của Công ty (Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI)	100% HĐQT nhất trí thông qua (4/4)
4	02/BBKP-HĐQT	23/4/2021	Phê duyệt miễn nhiệm kế toán trưởng và giao nhiệm vụ người phụ trách kế toán Công ty.	100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5)
5	02/BB-DHĐCĐ	26/4/2021	1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021. 2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động của Công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS. 3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI đã được kiểm toán. 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức năm 2020. 5. Thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021. 6. Thông qua phương án lựa chọn danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021. 7. Kế hoạch SXKD năm 2021 và kế hoạch đầu tư xây	- Nội dung (1) đạt 92,62% tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua - Nội dung (2) đạt 96,7% tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua - Nội dung

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			<p>dựng năm 2021.</p> <p>8. Thông qua sửa đổi điều lệ Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p> <p>9. Thông qua ban hành quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p> <p>10. Thông qua ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p> <p>11. Thông qua ban hành quy chế hoạt động của ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI</p> <p>12. Thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng giá trị trên 35% tổng giá trị TSDN của Công ty để phục vụ SXKD năm 2021.</p>	<p>(3) đạt 96,71% tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua</p> <p>- Nội dung</p> <p>(4) đạt 96,61% tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua</p> <p>- Nội dung</p> <p>(5) đạt 100,0% tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua</p> <p>- Nội dung</p> <p>(6) đạt 96,85% tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua</p> <p>- Nội dung</p> <p>(7) đạt 86,54% tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua</p> <p>- Nội dung</p> <p>(8,9,10,11) đạt 96,62%</p>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Tel: 02083 829 156;

Fax: 02083 829 056

Email: cpximanglahien@gmail.com

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng - Xã La Hiền - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
				tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua - Nội dung (12) đạt 69,40% tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua
6	03/BBKP-HDQT	12/5/2021	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất - Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.	100% HDQT nhất trí thông qua (5/5)
7	04/BBKP-HDQT	28/5/2021	Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.	100% HDQT nhất trí thông qua (5/5)
8	05/BBKP-HDQT	21/6/2021	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc và quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát, bổ sung) Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.	100% HDQT nhất trí thông qua (5/5)
9	03/BB-HDQT	18/8/2021	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phê duyệt kết quả thực hiện SXKD quý I và giao kế hoạch SXKD quý II/2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI. 2. Phê duyệt quy chế Thi đua - Khen thưởng của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI. 3. Phê duyệt quy chế Quản lý cán bộ trong Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI. 4. Phê duyệt quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trong Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI. 5. Phê duyệt quy chế quản lý đầu tư xây dựng và quy chế quản lý vật tư của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI. 6. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn. 7. Phê duyệt cấp hạn mức vay vốn năm 2021 tại các Ngân hàng - Chi nhánh tại Thái Nguyên. 8. Phê duyệt kết quả thực hiện SXKD quý II và giao kế 	100% thành viên HDQT nhất trí thông qua (5/5);

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
			<p>hoạch SXKD quý III/2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p> <p>9. Phê duyệt quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p> <p>10. Phê duyệt quy chế vay vốn trong CBCNV Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p> <p>11. Phê duyệt quy chế quản lý công nợ Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p> <p>12. Phê duyệt quy chế Quy chế quản lý, phân phối, sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p> <p>13. Phê duyệt quy chế tiêu thụ sản phẩm Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p>	
10	06/BBKP-HDQT	11/10/2021	<p>1. Thông qua dùng thực hiện thầu số 01: Cung cấp 01 máy phân tích chất lượng clinker thuộc dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất.</p> <p>2. Thông qua việc gia hạn hợp đồng thuê hoạt động bộ cân than mịn cho lò nung clinker năm 2021 với người có liên quan của Công ty là Công ty cổ phần xi măng Tân Quang-VVMI.</p> <p>3. Phê duyệt bổ nhiệm phó giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI</p> <p>4. Phê duyệt hợp đồng cung cấp vỏ bao xi măng 6 tháng với người liên quan của Công ty là Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI .</p>	<p>Nội dung (1,2,3) 100% HDQT nhất trí thông qua (5/5);</p> <p>Nội dung (4) 100% HDQT nhất trí thông qua (4/4);</p>
11	04/BB-HDQT	10/11/2021	<p>1. Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;</p> <p>2. Thông báo thay đổi người đại diện của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tham gia Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;</p> <p>3. Phê duyệt kết quả SXKD quý III, năm 2021 và giao kế hoạch SXKD quý IV năm 2021 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.</p>	<p>100% HDQT nhất trí thông qua (5/5);</p>
12	05/BB-HDQT	18/11/2021	Về việc cho thôi chức vụ Giám đốc công ty đối với Ông Nguyễn Văn Dũng	<p>100% HDQT nhất trí thông qua (5/5);</p>

TT	Số	Ngày	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
13	06/BB-HDQT	18/11/2021	Về việc giao quyền Giám đốc công ty đối với Ông Trần Quang Khải	100% HĐQT nhất trí thông qua (5/5);
14	07/BB-HDQT	15/12/2021	Họp kiểm điểm đánh giá hoạt động của người đại diện	
15	08/BB-DHĐCĐ	29/12/2021	1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2018-2023. 2. Công nhận kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.	- Nội dung (1,2) đạt 100,% tổng số CP tham gia BQ tại ĐH nhất trí thông qua

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh và nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý và có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý.

Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh và giải quyết những khó khăn, tồn tại của Công ty.

Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chiến lược kinh doanh, áp dụng công nghệ mới trong sản xuất xi măng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định trong điều lệ Công ty.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Công ty có 02 thành viên HĐQT độc lập và không trực tiếp điều hành. Các thành viên này luôn thực hiện tốt vai trò trong việc giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý công ty, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và sự phân công của HĐQT

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Đến thời điểm 31/12/2021 HĐQT Công ty có 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
1	Ông. Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư cơ điện mỏ, kỹ sư quản trị DN, cử nhân tin học.
2	Ông. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT (Đến ngày 29/12/2021)	Kỹ sư khai thác, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
3	Ông. Trần Quang Khải	Ủy viên HĐQT (Từ ngày 29/12/2021)	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư điện khí hóa Xí nghiệp
4	Bà. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
5	Ông. Hà Văn Chuyển	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư điện khí hóa
6	Ông. Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ QTKD, dịch vụ tài chính

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài

chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty. Ban kiểm soát còn có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

a. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh trong năm 2021 theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra;

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Công ty; đề từ đó nắm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của Pháp luật cũng như phương hướng của ĐHĐCĐ;

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong năm Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế như: Quy chế Quản lý về công tác An toàn - Vệ sinh lao động, ban hành hệ thống thang lương, bảng lương trong Công ty, sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty...

- Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty như Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã họp;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm 2021 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán PKF.

b. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 4 cuộc họp để phân công nhiệm vụ cho các thành viên và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Lần 1, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của

quý IV và năm 2020.

+ Lần 2, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý I năm 2021;

+ Lần 3, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý II và 6 tháng đầu năm 2021.

+ Lần 4, họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của quý III và 9 tháng đầu năm 2021.

Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong năm 2021 như sau:

* Về công tác quản trị và điều hành Công ty:

- Hội đồng quản trị:

+ HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

+ Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

+ HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

+ HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra.

+ Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Năm 2021 HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

- Ban Điều hành:

Cùng với HĐQT, Ban điều hành có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2020 thị trường tiêu thụ xi măng có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên mức độ cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt; Song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ xi măng đã hoàn thành vượt mức với kế hoạch đề ra, đồng thời Công ty đã có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, tăng giá bán xi măng cao hơn so với kế hoạch giao giúp tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Tăng mức Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

Kết quả năm 2021, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 68.383,37 tr.đồng/kế hoạch 39.500 triệu đồng bằng 173,12% so với kế hoạch, cổ tức chi trả dự kiến 33% / kế hoạch 15%.

Trong năm 2021, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

*** Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty:**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý,

đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi của chế độ kế toán và quy định của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng Việt Nam trong việc lập báo cáo.

Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán PKF, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính kế toán hiện tại của Công ty.

**** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:***

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Hệ số về khả năng thanh toán nợ đến hạn đã được cải thiện > 1 .

**** Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:***

Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.

Trong năm 2021, HĐQT cùng Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

**** Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:***

Năm 2022 đại dịch viêm phổi cấp Covid - 19 ảnh hưởng rất nặng nề đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Sự bùng phát nhanh chóng của dịch bệnh trên toàn cầu và chưa dừng lại cũng sẽ là rủi ro hết sức nguy hiểm đối với sự phát triển

của toàn nền kinh tế. Bên cạnh đó tình hình căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, cuộc chiến giữa Nga và Ukraine càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Nền kinh tế trong nước cũng vì thế mà tăng trưởng chậm lại. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi cũng phải đối mặt không ít khó khăn với thời tiết diễn biến phức tạp và dịch bệnh đã khiến Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Cân đối lao động để đảm bảo đủ định biên cho dây chuyền sản xuất chính. Gắn chính sách tiền lương với các chính sách quản lý: Ban hành và áp dụng quy chế tiền lương mới khuyến khích người lao động và cán bộ quản lý phát huy hết khả năng trong lao động sản xuất để tạo ra khối lượng sản phẩm với năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất cao nhất.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

- Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua./.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và viên chức quản lý đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/04/2021 đã thông qua, trong năm 2021 tiền lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác cho các thành viên HĐQT, BKS và viên chức quản lý dự kiến sẽ chi trả như sau:

ĐVT: Tr.đ

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị					
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT		11,138	89,107	100,245
2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT		0,78	74,880	75,660
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT		23,2	74,880	98,080
4	Hà Văn Chuyên	TV HĐQT		9,360	74,880	84,240
5	Trịnh Quốc Bình	TV HĐQT		9,360	74,880	84,240
II	Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS	472,131	59,016		531,147
3	Phạm Đình Tuấn ⁽¹⁾	UV BKS		2,824	16,942	19,766
4	Trần Thu Hương ⁽²⁾	UV BKS		5,647	50,824	56,471
5	Hoàng Thị Thúy	UV BKS		8,471	67,766	76,237
III	Viên chức quản lý					
1	Nguyễn Văn Dũng ⁽³⁾	Giám đốc	469,883	58,735		528,618
2	Lê Bá Chức	Phó GD	449,649	56,206		505,855
3	Vũ Ngọc Bách ⁽⁴⁾	Phó GD	224,824	28,103		252,927
4	Trần Quang Khải ⁽⁵⁾	Phó GD	454,895	56,862		511,757
5	Phạm Mạnh Tiến ⁽⁶⁾	Phó GD	74,941	9,368		84,309
6	Lê Thị Thu Hiền ⁽⁷⁾	Kế toán trưởng	135,644			135,644

⁽¹⁾ Phạm Đình Tuấn – Thành viên BKS – Đến ngày 25/04/2021⁽²⁾ Trần Thu Hương – Thành viên BKS – Từ ngày 26/04/2021⁽³⁾ Nguyễn Văn Dũng – Giám đốc Công ty – Đến ngày 21/11/2021⁽⁴⁾ Vũ Ngọc Bách – Phó Giám đốc Công ty – Đến ngày 30/06/2021

⁽⁵⁾ Trần Quang Khải – Quyền Giám đốc Công ty – Từ ngày 22/11/2021

⁽⁶⁾ Phạm Mạnh Tiến – Phó Giám đốc Công ty – Từ ngày 15/10/2021

⁽⁷⁾ Lê Thị Thu Hiền – Kế toán trưởng – Đến ngày 22/04/2021

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2021 những người có liên quan có thực hiện việc giao dịch cổ phiếu của Công ty như sau:

Số TT	Họ và tên	CP Tăng	CP Giảm	CP hiện có tại 31/12/2021
1	Phạm Trần Thu Nga	86.600		86.600

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua bán, dịch vụ với cổ đông nội bộ và các bên liên quan như sau:

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Hợp đồng mua bán vỏ bao với Công ty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI;
- Hợp đồng mua bán đá thải với Công ty than Khánh Hòa VVMI;
- Hợp đồng dịch vụ với Công ty than Núi Ilông;
- Hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ với Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên VVMI;
- Hợp đồng mua vật tư với Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực;
- Hợp đồng mua vật tư, dịch vụ sửa chữa thiết bị, bán xi măng, sắt thép phế với Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc;
- Hợp đồng cho thuê cân cấp liệu than với Công ty cổ phần xi măng Tân Quang;
- Hợp đồng mua bán xi măng, dịch vụ với HTX sản xuất - dịch vụ Hoàng Thịnh Phát;

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Quản trị công ty cổ phần trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một vấn đề không thể thiếu và cần được quan tâm. Ngoài việc đảm bảo sự thành công cho doanh nghiệp nó còn mang đến sự an tâm cho các nhà đầu tư. Tuy vậy, hệ thống pháp luật về quản trị công ty hiện nay ở Việt Nam còn nhiều bất cập so với các quy định và hoạt động quản trị

công ty ở các quốc gia trên thế giới. Điều đó cho thấy việc hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty ở Việt Nam trong giai đoạn sắp tới là điều vô cùng cần thiết.

Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI luôn ý thức tuân thủ và thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật các quy định về quản trị công ty nhằm bảo vệ được quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan, cũng như đáp ứng vấn đề công khai và minh bạch thông tin trong công ty cổ phần.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Kèm theo BCTC năm 2021 được kiểm toán)

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Q. GIÁM ĐỐC
Trần Quang Khải

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 44

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiền, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần, danh sách cổ đông như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	6.165.960	51,38%
Các đối tượng khác	5.834.040	48,62%
Tổng cộng	12.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | | |
|-----------------------|---------------|-------------------------|
| - Ông Đỗ Huy Hùng | Chủ tịch HĐQT | |
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Ủy viên | Đến ngày 29/12/2021 (i) |
| - Ông Trần Quang Khải | Ủy viên | Từ ngày 30/12/2021 (i) |
| - Ông Hà Văn Chuyển | Ủy viên | |
| - Ông Trịnh Quốc Bình | Ủy viên | |
| - Bà Lê Thị Thu Hiền | Ủy viên | |

Ban Giám đốc

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | | |
|-----------------------|----------------|--------------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Giám đốc | Đến ngày 21/11/2021 (ii) |
| - Ông Trần Quang Khải | Quyền Giám đốc | Từ ngày 22/11/2021 (iii) |
| - Ông Lê Bá Chức | Phó Giám đốc | |
| - Ông Vũ Ngọc Bách | Phó Giám đốc | Đến ngày 30/06/2021 (iv) |
| - Ông Phạm Mạnh Tiến | Phó Giám đốc | Từ ngày 15/10/2021 (v) |

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

Chức vụ:

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thu Hoài | Trưởng ban | Đến ngày 29/12/2021 (i) |
| - Ông Phạm Trung Hợp | Trưởng ban | Từ ngày 30/12/2021 (i) |
| - Ông Phạm Đình Tuấn | Ủy viên | Đến ngày 25/04/2021 (vi) |
| - Bà Trần Thu Hương | Ủy Viên | Từ ngày 26/04/2021 (vi) |
| - Bà Hoàng Thị Thúy | Ủy viên | |

(i) Theo nghị quyết số 59/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2021 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI

(ii) Theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 19/11/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI về việc thôi Giám đốc Công ty

(iii) Theo Quyết định số 56/NQ-HĐQT ngày 19/11/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI về việc giao Quyền Giám đốc Công ty

(iv) Theo Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI về việc miễn nhiệm Phó Giám đốc Công ty

(v) Theo Quyết định 45/QĐ-HĐQT ngày 11/10/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty.

(vi) Theo nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021 - Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các lường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

QUYÊN GIÁM ĐỐC



TRẦN QUANG KHẢI

Số: 05 /2022/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập ngày 25 tháng 02 năm 2022, bao gồm Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 44 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

Nguyễn Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2018-242-1

14406
ÔNG
NHIỆM
PKF
ỆT N
YUÂN

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.301.233.964	73.608.102.988
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	86.919.518.995	33.863.885.070
Tiền	111		26.919.518.995	33.863.885.070
Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.432.444.894	17.369.854.916
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.966.908.161	16.239.068.812
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		255.888.163	1.307.018.183
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.348.178.570	639.463.821
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(138.530.000)	(815.695.900)
Hàng tồn kho	140	5.6	13.550.244.462	22.374.363.002
Hàng tồn kho	141		13.550.244.462	22.383.939.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(9.576.705)
Tài sản ngắn hạn khác	150		399.025.613	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	107.749.798	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	291.275.815	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.222.731.923	232.604.448.109
Các khoản phải thu dài hạn	210		484.534.717	514.780.598
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	484.534.717	514.780.598
Tài sản cố định	220		167.085.255.643	210.330.580.186
TSCĐ hữu hình	221	5.8	167.085.255.643	210.330.580.186
- Nguyên giá	222		950.375.720.152	941.518.725.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(783.290.464.509)	(731.188.144.901)
TSCĐ vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		1.632.274.438	1.632.274.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Tài sản dở dang dài hạn	240		162.000.000	384.623.425
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	162.000.000	384.623.425
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		20.490.941.563	21.374.463.900
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	20.490.941.563	21.374.463.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		307.523.965.887	306.212.551.097

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		103.620.659.561	117.319.152.287
Nợ ngắn hạn	310		95.636.124.844	88.795.552.665
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	37.445.299.256	23.741.932.684
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		394.542.979	815.112.517
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.362.023.139	10.514.450.703
Phải trả người lao động	314		38.615.028.999	37.072.199.683
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	3.303.122.581	3.550.305.167
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.506.163.583	2.816.047.266
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	-	3.302.755.918
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.009.944.307	6.982.748.727
Nợ dài hạn	330		7.984.534.717	28.523.599.622
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	7.500.000.000	28.074.838.638
Dự phòng phải trả dài hạn	342		484.534.717	448.760.984
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.903.306.326	188.893.398.810
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	203.903.306.326	188.893.398.810
Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.114.635.437	32.114.635.437
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.324.194.733	36.314.287.217
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.836.051.880	2.467.437.292
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.488.142.853	33.846.849.925
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		307.523.965.887	306.212.551.097

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

QUYỀN GIÁM ĐỐC









NGUYỄN THỊ HÀNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	733.785.505.193	712.934.817.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	21.198.637
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		733.785.505.193	712.913.618.863
Giá vốn hàng bán	11	6.3	620.235.279.233	608.177.096.417
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113.550.225.960	104.736.522.446
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	249.605.666	20.365.201
Chi phí tài chính	22	6.5	1.295.168.695	4.144.182.814
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.190.053.627	3.618.236.543
Chi phí bán hàng	25	6.8	13.099.398.192	13.045.817.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	31.016.212.224	30.207.239.124
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68.389.052.515	57.359.648.441
Thu nhập khác	31	6.6	586.547.640	60.013.965
Chi phí khác	32	6.7	592.225.271	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5.677.631)	60.013.965
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.383.374.884	57.419.662.406
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	13.895.232.031	11.572.812.481
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		54.488.142.853	45.846.849.925
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	4.541	4.234

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

QUYÊN GIÁM ĐỐC









NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		68.383.374.884	57.419.662.406
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		52.102.319.608	47.945.599.814
Các khoản dự phòng	03		(650.968.872)	(464.042.752)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(249.605.666)	(20.365.201)
Chi phí lãi vay	06		1.190.053.627	3.618.236.543
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		120.775.173.581	108.499.090.810
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.363.168.060	9.918.593
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.833.695.245	(9.728.929.895)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		16.619.918.801	(6.645.028.610)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		775.772.539	(2.924.731.792)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.194.499.045)	(4.100.101.988)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.559.137.888)	(11.383.206.461)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		43.000.000	998.990.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.494.039.757)	(6.663.317.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		126.163.051.536	68.062.683.487
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.471.250.649)	(15.560.801.868)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		239.983.594	20.365.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.231.267.055)	(15.540.436.667)
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	27.509.042.540	277.977.566.110
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(51.386.637.096)	(290.516.788.774)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.998.556.000)	(23.792.959.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53.876.150.556)	(36.332.182.164)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		33.863.885.070	17.673.820.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		86.919.518.995	33.863.885.070

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

QUYỀN GIÁM ĐỐC









NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVM tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiền, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 04/12/2021.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31/12/2021, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 548 người, trong đó số nhân viên quản lý là 36 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2021, việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu chính Bình quân theo tháng
- Các hàng tồn kho còn lại Phương pháp bình quân di động

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của sản phẩm tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 25 năm
- Máy móc, trang thiết bị 05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Tài sản cố định khác 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, phí bảo hiểm, phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí phí đền bù giải phóng mặt bằng. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, chi phí tiền điện và chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.13 Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và thay đổi lần thứ 5 ngày 04/12/2021.

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp đủ vốn cổ phần vào Công ty theo tổng số vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, tỷ lệ thực góp là 100%.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.16 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.17 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	143.568.354	116.269.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	26.775.950.641	33.747.615.337
Các khoản tương đương tiền	(iii)	60.000.000.000	-
Cộng		86.919.518.995	33.863.885.070

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		143.568.354
Cộng		143.568.354

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		26.775.950.641
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		375.847.593
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		11.202.849.500
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		9.034.942.091
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		6.153.526.167
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		8.785.290
Cộng		26.775.950.641

(iii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		60.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		25.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		35.000.000.000
Cộng		60.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Nguyên tệ	31/12/2021 VND
Đồng Việt Nam		10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		10.000.000.000
Cộng		10.000.000.000

5.3. Phải thu khách hàng

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn	6.966.908.161	16.239.068.812
Ủy ban nhân dân xã Cúc Đường	1.041.480.000	242.728.200
Ủy ban nhân dân xã Phú Thượng	665.016.000	743.608.800
Ủy ban nhân dân xã Phương Giao	706.200.000	1.537.143.300
Ủy ban nhân dân xã Liên Minh	646.800.000	1.145.179.200
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.907.412.161	12.570.409.312
b. Dài hạn	-	-
Cộng	6.966.908.161	16.239.068.812

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết tại Phụ lục số 02

5.4. Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.348.178.570	-	639.463.821	-
Phải thu người lao động	719.570.390	-	567.887.904	-
Tạm ứng	-	-	1.185.660	-
Ký quỹ, ký cược	431.640.000	-	-	-
Các khoản khác	196.968.180	-	70.390.257	-
b. Dài hạn	484.534.717	-	514.780.598	-
Ký quỹ, ký cược	484.534.717	-	514.780.598	-
Cộng	1.832.713.287	-	1.154.244.419	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5. Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	138.530.000	-	815.695.900	-
- Dưới 1 năm	-	-	-	-
- Từ 1 đến dưới 2 năm	-	-	-	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	-	-	-	-
- Từ 3 năm trở lên	138.530.000	-	815.695.900	-
Công ty TNHH Yên Lạc - Bắc Kạn	66.780.000	-	66.780.000	-
Công ty TNHH Dương Giang Thái Nguyên	-	-	677.165.900	-
Phòng tài chính Huyện Phổ Yên	71.750.000	-	71.750.000	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.569.016.775	-	6.643.597.280	(9.576.705)
Công cụ, dụng cụ	5.101.068	-	19.116.567	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.976.126.619	-	15.721.225.860	-
Cộng	13.550.244.462	-	22.383.939.707	(9.576.705)

Trong đó: Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối năm: 13.550.244.462 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	162.000.000	384.623.425
<i>Thiết kế bản vẽ thi công mỏ sét Cúc Đường</i>	162.000.000	162.000.000
<i>Chi phí tư vấn cải tạo hệ thống cấp thoát nước</i>	-	89.000.000
<i>Hệ thống cung cấp nước Công nghiệp tuần hoàn</i>	-	133.623.425
- Sửa chữa lớn	-	-
Cộng	162.000.000	384.623.425

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	325.174.133.840	548.893.721.348	44.034.828.665	23.416.041.234	941.518.725.087
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	6.284.935.520	2.542.931.838	29.127.707	-	8.856.995.065
- Điều chuyển nhóm	(6.000.440.902)	(60.595.923.502)	43.420.939.676	23.175.424.728	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	325.458.628.458	490.840.729.684	87.484.896.048	46.591.465.962	950.375.720.152
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	212.681.395.645	455.693.481.185	39.397.226.837	23.416.041.234	731.188.144.901
- Khấu hao trong năm	9.787.973.349	29.257.766.307	5.421.189.842	7.635.390.110	52.102.319.608
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nhóm	(4.588.276.210)	(40.578.266.002)	35.719.588.341	9.446.953.871	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	217.881.092.784	444.372.981.490	80.538.005.020	40.498.385.215	783.290.464.509
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	112.492.738.195	93.200.240.163	4.637.601.828	-	210.330.580.186
Tại ngày cuối năm	107.577.535.674	46.467.748.194	6.946.891.028	6.093.080.747	167.085.255.643
Trong đó: - Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay					145.851.293.707
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					373.549.704.412
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý					-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9. Tài sản cố định vô hình

	TSCĐVH khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.632.274.438	1.632.274.438
Số dư cuối năm	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	1.632.274.438	1.632.274.438
Số dư cuối năm	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:		-
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		1.632.274.438

5.10. Chi phí trả trước

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn	107.749.798	-
Bảo hiểm ô tô	107.749.798	-
b. Dài hạn	20.490.941.563	21.374.463.900
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	6.497.407.528	6.053.912.637
Phí sử dụng tài liệu	1.143.651.009	1.218.524.757
Phí bảo lãnh hợp đồng vay vốn	315.345.206	-
Chi phí sửa chữa tuyến đường từ Mỏ Đồng Chuông ra Quốc lộ 1B	-	847.029.997
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	12.534.537.820	13.254.996.509
Cộng	20.598.691.361	21.374.463.900

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	10.000.000	10.000.000				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	20.097.619.206	20.097.619.206	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	10.000.000	10.000.000	-	10.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	-	4.026.450.118	4.026.450.118	-	-
b. Gốc vay dài hạn	31.367.594.556	31.367.594.556	3.384.973.216	27.252.567.772	7.500.000.000	7.500.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	31.367.594.556	31.367.594.556	3.384.973.216	27.252.567.772	7.500.000.000	7.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Vay cá nhân	21.867.594.556	21.867.594.556	3.384.973.216	25.252.567.772	-	-
Cộng	31.377.594.556	31.377.594.556	27.509.042.540	51.386.637.096	7.500.000.000	7.500.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI
Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

		01/01/2021 (VND)		31/12/2021 (VND)	
		Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c.	Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	3.292.755.918	3.292.755.918	-	-
	Vay cá nhân	3.292.755.918	3.292.755.918	-	-
d.	Số dư tại thời điểm lập BCTC	31.377.594.556	31.377.594.556	7.500.000.000	7.500.000.000
d.1	Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	3.302.755.918	3.302.755.918	-	-
d.2	Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	28.074.838.638	28.074.838.638	7.500.000.000	7.500.000.000

5.12. Phải trả người bán

		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	Ngắn hạn	37.445.299.256	37.445.299.256	23.741.932.684	23.741.932.684
	Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà	5.390.000.000	5.390.000.000	2.601.520.000	2.601.520.000
	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bắc Thái	4.203.149.296	4.203.149.296	2.579.885.257	2.579.885.257
	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	3.670.590.000	3.670.590.000	-	-
	Công ty TNHH Văn Long	2.810.959.150	2.810.959.150	866.697.850	866.697.850
	Công ty TNHH Bình Dương	2.025.640.730	2.025.640.730	1.622.129.704	1.622.129.704
	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng dân dụng Công nghiệp Hà Nội	1.973.769.749	1.973.769.749	-	-
	Công ty CP Đá ốp lát và Vật liệu xây dựng	1.476.162.360	1.476.162.360	1.261.624.170	1.261.624.170
	Công ty TNHH Kim khí Thanh An	907.434.320	907.434.320	568.805.270	568.805.270
	Các nhà cung cấp khác	14.987.593.651	14.987.593.651	14.241.270.433	14.241.270.433
b.	Dài hạn	-	-	-	-
	Cộng	37.445.299.256	37.445.299.256	23.741.932.684	23.741.932.684
c.	Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết tại phụ lục số 02				

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>01/01/2021</u> <u>(VND)</u>	<u>Số phải nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>Số đã nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>31/12/2021</u> <u>(VND)</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.033.583.083	25.181.892.508	24.885.219.553	3.330.256.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.200.797.658	14.253.572.261	17.559.137.888	2.895.232.031
Thuế thu nhập cá nhân	339.295.263	1.359.997.828	1.354.755.886	344.537.205
Thuế tài nguyên	711.293.687	4.242.238.495	4.349.794.618	603.737.564
Thuế đất và tiền thuê đất	-	681.524.451	681.524.451	-
Quyền khai thác khoáng sản	-	2.722.187.575	2.722.187.575	-
Phí bảo vệ môi trường	229.481.012	1.334.421.795	1.375.642.506	188.260.301
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	144.885.041	144.885.041	-
Cộng	10.514.450.703	49.923.719.954	53.076.147.518	7.362.023.139

5.14. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>01/01/2021</u> <u>(VND)</u>	<u>Số phải nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>Số đã nộp</u> <u>trong năm</u>	<u>31/12/2021</u> <u>(VND)</u>
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-	291.275.815	291.275.815
Cộng	-	-	291.275.815	291.275.815

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15. Chi phí phải trả

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn	3.303.122.581	3.550.305.167
Lãi vay	-	1.004.445.418
Chi phí điện năng tiêu thụ	2.403.336.164	1.715.711.460
Các khoản khác	899.786.417	830.148.289
b. Dài hạn	-	-
Cộng	3.303.122.581	3.550.305.167

5.16. Phải trả khác

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn	2.506.163.583	2.816.047.266
Cổ tức trả cổ đông	460.303.250	458.859.250
Các khoản khác	2.045.860.333	2.357.188.016
b. Dài hạn	-	-
Cộng	2.506.163.583	2.816.047.266

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	42.171.238.526	174.750.350.119
Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	45.846.849.925	45.846.849.925
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(51.703.801.234)	(51.703.801.234)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	120.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	36.314.287.217	188.893.398.810
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	54.488.142.853	54.488.142.853
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(39.478.235.337)	(39.478.235.337)
Số dư cuối năm	120.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	51.324.194.733	203.903.306.326

(i) Tổng lợi nhuận phân phối trong năm 2021 là 39.478.235.337 đồng, trong đó:

- Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI ngày 26/04/2021, phân phối 30.000.000.000 đồng lợi nhuận năm 2020 (trong đó đã tạm ứng 12.000.000.000 đồng trong năm 2020 và chi bổ sung 18.000.000.000 đồng trong năm 2021), trích quỹ khen thưởng phúc lợi 9.478.235.337 đồng.
- Theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 10/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI, tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2021 theo tỷ lệ thực hiện là 10%/Vốn điều lệ tương đương với 12.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM
 Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	61.659.600.000	61.659.600.000
Vốn góp của đối tượng khác	58.340.400.000	58.340.400.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	20.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	30.000.000.000	44.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/Cổ phiếu	

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	32.114.635.437	32.114.635.437

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Doanh thu bán hàng	731.076.712.004	711.095.912.179
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.708.793.189	1.838.905.321
Cộng	733.785.505.193	712.934.817.500

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chiết khấu thương mại	-	21.198.637
Cộng	-	21.198.637

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	618.952.865.423	607.714.573.306
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.291.990.515	574.697.172
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.576.705)	(112.174.061)
Cộng	620.235.279.233	608.177.096.417

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi	239.983.594	8.765.879
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.622.072	11.599.322
Cộng	249.605.666	20.365.201

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền vay	1.190.053.627	3.618.236.543
Chi phí tài chính khác	105.115.068	525.946.271
Cộng	1.295.168.695	4.144.182.814

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Các khoản khác	586.547.640	60.013.965
Cộng	586.547.640	60.013.965

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Truy thu thuế	358.340.230	-
Tiền phạt thuế	144.885.041	-
Các khoản khác	89.000.000	-
Cộng	592.225.271	-

6.8 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.693.378.124	30.593.489.105
Chi phí nhân viên	20.669.388.000	17.992.380.045
Chi phí vật liệu	1.414.676.052	689.124.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.173.553.128	1.284.958.851
Chi phí khác bằng tiền	8.435.760.944	10.627.026.172
b. Chi phí bán hàng	13.099.398.192	13.045.817.268
Chi phí nhân viên	6.591.517.925	5.664.846.465
Chi phí vật liệu	3.091.957.969	3.333.347.983
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.585.799	27.585.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	987.174.812	1.157.675.846
Chi phí khác bằng tiền	2.401.161.687	2.862.361.175
c. Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	(677.165.900)	(386.249.981)
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(677.165.900)	(386.249.981)
Cộng	44.115.610.416	43.253.056.392

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	440.958.482.239	461.665.218.499
Chi phí nhân công	106.343.744.119	99.380.714.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.102.319.608	47.945.599.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.989.386.408	28.171.451.402
Chi phí khác bằng tiền	24.645.919.994	27.379.374.846
Cộng	662.039.852.368	664.542.359.097

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.383.374.884	57.419.662.406
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	1.092.785.271	444.400.000
<i>Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>430.560.000</i>	<i>374.400.000</i>
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>662.225.271</i>	<i>70.000.000</i>
- Thu nhập chịu thuế	69.476.160.155	57.864.062.406
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	69.476.160.155	57.864.062.406
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.895.232.031	11.572.812.481
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.895.232.031	11.572.812.481

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	54.488.142.853	45.846.849.925
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	54.488.142.853	45.846.849.925
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	10.827.397
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.541	4.234

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 27.509.042.540 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 51.386.637.096 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch vay, trả nợ gốc vay, mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2021			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.919.518.995	-	86.919.518.995
Phải thu khách hàng	6.966.908.161	-	6.966.908.161
Đầu tư	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khác	1.348.178.570	484.534.717	1.832.713.287
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(138.530.000)	-	(138.530.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	105.096.075.726	484.534.717	105.580.610.443
Ngày 31/12/2021			
Các khoản vay và nợ	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải trả người bán	37.445.299.256	-	37.445.299.256
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	5.809.286.164	-	5.809.286.164
Tổng cộng	43.254.585.420	7.500.000.000	50.754.585.420
Chênh lệch thanh khoản thuần	61.841.490.306	(7.015.465.283)	54.826.025.023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.863.885.070	-	33.863.885.070
Phải thu khách hàng	16.239.068.812	-	16.239.068.812
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	638.278.161	514.780.598	1.153.058.759
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(815.695.900)	-	(815.695.900)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	49.925.536.143	514.780.598	50.440.316.741
Ngày 01/01/2021			
Các khoản vay và nợ	3.302.755.918	28.074.838.638	31.377.594.556
Phải trả người bán	23.741.932.684	-	23.741.932.684
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	6.366.352.433	-	6.366.352.433
Tổng cộng	33.411.041.035	28.074.838.638	61.485.879.673
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.514.495.108	(27.560.058.040)	(11.045.562.932)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) **Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	6.966.908.161	16.239.068.812	6.828.378.161	15.423.372.912
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.832.713.287	1.153.058.759	1.832.713.287	1.153.058.759
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	86.919.518.995	33.863.885.070	86.919.518.995	33.863.885.070
Tổng cộng	105.719.140.443	51.256.012.641	105.580.610.443	50.440.316.741
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	7.500.000.000	31.377.594.556	7.500.000.000	31.377.594.556
<i>Phải trả người bán</i>	37.445.299.256	23.741.932.684	37.445.299.256	23.741.932.684
<i>Phải trả khác</i>	5.809.286.164	6.366.352.433	5.809.286.164	6.366.352.433
Tổng cộng	50.754.585.420	61.485.879.673	50.754.585.420	61.485.879.673

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker (chiếm 99,63% tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm tài chính), do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện tại các phụ lục đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục số 01: Bảng kê giao dịch mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan
- Phụ lục số 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2021 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	2.019.110.767
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	442.461.109
Thù lao, lương và thưởng của Ban Kiểm soát	683.622.124
Tổng cộng	3.145.194.000

8.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVM

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

QUYỀN GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

BẢNG KÊ GIAO DỊCH MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
A	Tổng mua	169.409.103.008
1	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	40.954.256.000
	Vỏ bao	40.954.256.000
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	3.575.867.829
	Vật tư, vật liệu nổ	308.923.550
	Dịch vụ vận chuyển vật liệu nổ, nổ mìn	3.266.944.279
3	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	891.377.660
	Vật tư, dầu mỡ nhờn	891.377.660
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	520.880.000
	Vật tư	519.180.000
	Dịch vụ sửa chữa	1.700.000
5	Công ty Than Khánh Hoà - VVMI	3.437.170.800
	Đá thải	3.437.170.800
6	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	41.776.363
	Dịch vụ cho thuê hội trường, ăn uống	41.776.363
7	Trường cao Đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam	219.289.500
	Dịch vụ đào tạo	219.289.500
8	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV - CTCP	337.231.291
	Dịch vụ	337.231.291
9	Công ty CP khách sạn Thái Nguyên VVMI	29.723.636
	Dịch vụ cho thuê hội trường, phòng nghỉ, ăn uống	29.723.636
10	Công ty CP Phát triển Công nghệ và Thiết bị mỏ	36.719.777
	Dịch vụ thẩm định thiết bị điện	36.719.777
11	Trường Quản trị Kinh Doanh - Vinacomin	77.898.816
	Dịch vụ đào tạo	77.898.816
12	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	118.953.728.200
	Than cám	118.953.728.200
13	Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	333.183.136
	Dịch vụ tư vấn	333.183.136
B	Tổng bán	360.000.000
1	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	360.000.000
	Dịch vụ	360.000.000

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

QUYỀN GIÁM ĐỐC









NGUYỄN THỊ HẰNG

NGUYỄN THỊ THU HOÀI

TRẦN QUANG KHẢI

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ			
		131	138	331	338
A	PHẢI THU	99.000.000	-	255.819.163	-
I	NGẮN HẠN	99.000.000	-	255.819.163	-
1	Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	99.000.000	-	-	-
2	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	255.819.163	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-
B	PHẢI TRẢ	-	-	4.807.118.865	-
I	NGẮN HẠN	-	-	4.807.118.865	-
1	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	-	3.670.590.000	-
2	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	-	-	822.778.835	-
3	Xí nghiệp vật tư Hòn Gai	-	-	173.302.030	-
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	140.448.000	-
II	DÀI HẠN	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP



NGUYỄN THỊ HẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THU HOÀI

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

QUYỀN GIÁM ĐỐC




TRẦN QUANG KHẢI